



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM

MEKOPHAR

Luôn luôn vì sức khỏe của bạn



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2016**

MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG.....	3
1.	Thông tin khái quát	3
2.	Quá trình hình thành và phát triển.....	4
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	4
5.	Định hướng phát triển	5
6.	Rủi ro.....	6
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	8
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	8
2.	Tổ chức và nhân sự	8
3.	Tình hình đầu tư	121
4.	Tình hình tài chính	121
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	13
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	13
1.	Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2016:	13
2.	Dự án nhà máy mới :.....	13
3.	Thánh tích thi đua khen thưởng:	Error! Bookmark not defined. 15
4.	Công tác xã hội :.....	17
5.	Phương hướng nhiệm vụ :	17
IV.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	18
1.	Thành viên Hội đồng quản trị :	18
2.	Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm Soát năm 2016 :	19
3.	Công tác Giám sát Ban điều hành :	20
4.	Báo cáo chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm Soát :	22
5.	Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị :	23
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY:	24
1.	Hội đồng quản trị:	24
2.	Ban Kiểm soát:	25
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH:.....	33
1.	Ý kiến kiểm toán:	33
2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán:	35
	Phụ lục 1: Bảng cân đối kế toán.....	35
	Phụ lục 2: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	39
	Phụ lục 3: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.....	40
	Phụ lục 4: Thuyết minh báo cáo tài chính.....	42

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Thông tin khái quát**

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	
Tên viết tắt:	MEKOPHAR
Tên tiếng Anh:	Mekophar Chemical Pharmaceutical Joint Stock Company
Giấy CNĐKKD số:	0302533156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 08/02/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 27 tháng 10 năm 2016.
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	194.208.130.000 đồng.
Trụ sở chính:	297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp.HCM.
Điện thoại:	[84-8] 3 8650258 - 3 8650363 - 3 8650436 - 3 8652478
Fax:	[84-8] 3 8650394
Email:	info@mekophar.com
Website:	www.mekophar.com
Mã cổ phiếu:	MKP



2. Quá trình hình thành và phát triển

1975	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar được thành lập với tên gọi là Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 24, là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dược Việt Nam.	1985	Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 24 sáp nhập với Xí nghiệp dược phẩm TW 22, đổi tên thành Xí nghiệp Dược phẩm TW 24 – Mekophar.
1992	Xí nghiệp Dược phẩm TW 24 - Mekophar thành lập Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Mekong.	1993	Xí nghiệp liên doanh với Công ty Woopyung - Hàn Quốc thành lập Công ty Liên doanh Woopyung - Mekophar, sản xuất nguyên liệu kháng sinh bán tổng hợp như Amoxicilin, Ampicilin.
2000	Xí nghiệp dược phẩm TW 24 mua lại toàn bộ phần vốn của đối tác liên doanh và Công ty Liên doanh Woopyung - Mekophar trở thành phân xưởng sản xuất kháng sinh của Xí nghiệp.	2001	Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 24 chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar. Vốn điều lệ ban đầu của công ty là 36 tỷ đồng.
03/2003	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Mekong sáp nhập lại với Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar.	04/2003	Góp vốn xây dựng bệnh viện đa khoa An Sinh và Bệnh viện đi vào hoạt động ngày 07/05/2006.
03/2006	Công ty tăng vốn điều lệ lên 54 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thường, nguồn sử dụng cho việc tăng vốn lấy từ lợi nhuận giữ lại của công ty.	12/2006	Công ty tăng vốn điều lệ lên 84 tỷ đồng thông qua đợt chào bán 3 triệu cổ phiếu ra công chúng
2008	Tăng vốn điều lệ lên 92,1 tỷ đồng.	2010	Cổ phiếu của công ty được niêm yết và giao dịch trên sàn HOSE.
2012	Hủy niêm yết trên HOSE từ ngày 12 tháng 7 để thực hiện việc tái cơ cấu cổ đông không có vốn đầu tư nước ngoài.	2016	Công ty tăng vốn điều lệ lên 194 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh:	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất và kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, hoá chất, nguyên phụ liệu cho ngành dược, dụng cụ y tế; - Sản xuất bao bì dùng trong ngành dược (chai nhựa, hộp giấy, thùng carton); - Sản xuất, mua bán hàng thực phẩm công nghệ (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống); - Dịch vụ cho thuê cao ốc, văn phòng; - Cho thuê căn hộ.
-------------------------------	---

Địa bàn kinh doanh:

Thị trường kinh doanh chính của MKP là khu vực Thành phố Hồ Chí Minh với tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ chiếm 80% trên tổng sản phẩm hàng năm.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị:

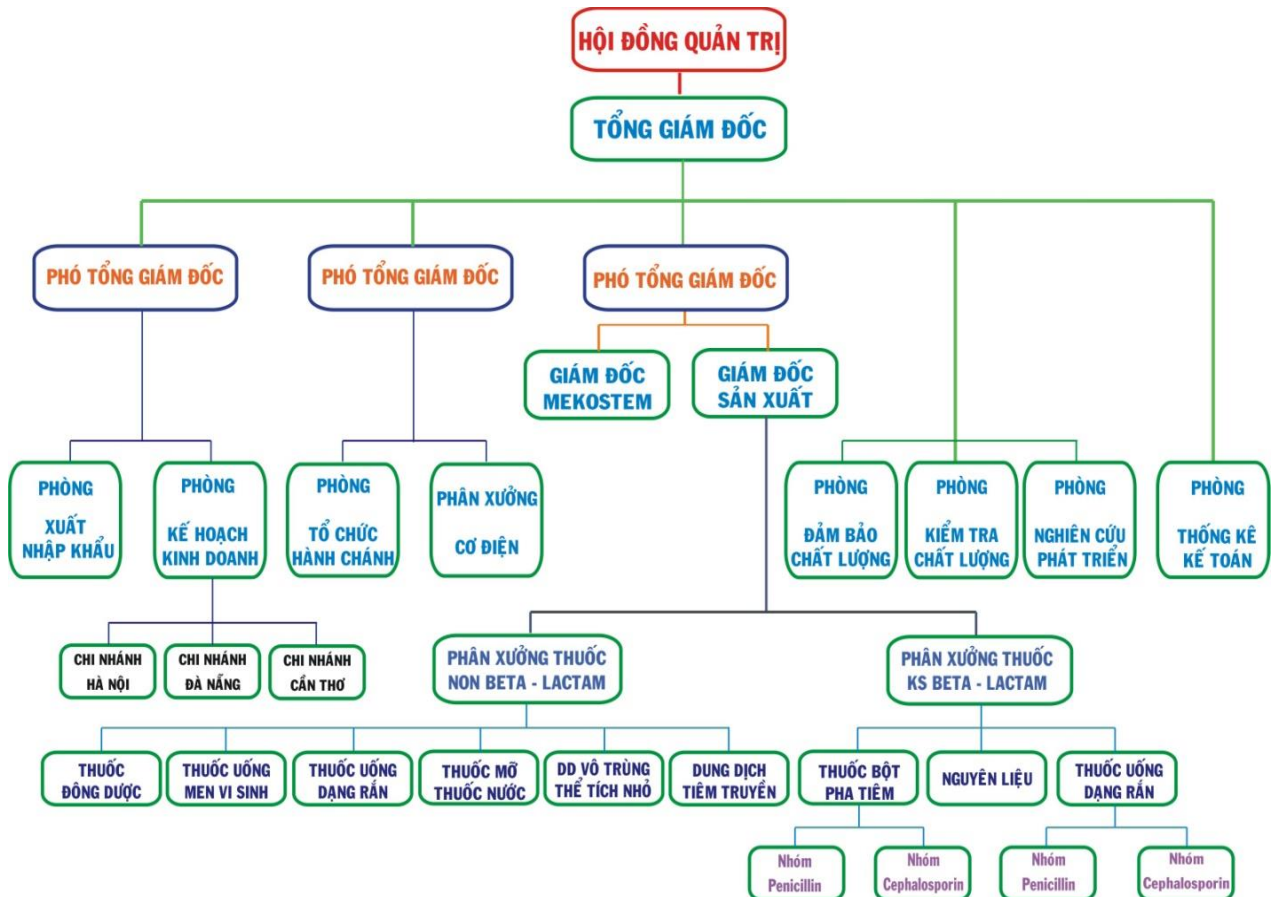
Hội đồng Quản trị của Công ty có 7 thành viên. Trong đó, Chủ tịch HĐQT kiêm chức danh Tổng Giám đốc. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên. Ban Tổng Giám đốc gồm 4 thành viên. Trong đó có 3 Phó Tổng Giám đốc chuyên trách.

Mô hình quản lý, tổ chức kinh doanh:

Mô hình quản lý của Công ty với mục tiêu cuối cùng là hướng đến sự hài lòng của khách hàng thông qua việc cung ứng các sản phẩm có chất lượng tốt ra thị trường kèm theo chính sách chăm sóc khách hàng đến từng đối tượng khác nhau.

Về tổ chức kinh doanh, Công ty chủ yếu phân phối thuốc thông qua hệ thống các bệnh viện trên cả nước. Ngoài ra, chiến lược sắp tới của Công ty sẽ thành lập các cửa hàng phân phối sản phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để tăng thị phần ở mảng bán lẻ.

Sơ đồ tổ chức



5. Định hướng phát triển

- Tiếp tục đầu tư cho công tác tiếp thị, quảng bá hình ảnh MEKOPHAR trên mọi vùng, miền trong nước cũng như ở nước ngoài.
- Củng cố và tiếp tục phát triển các thị trường trong nước, đặc biệt là miền Bắc, miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long.
- Phấn đấu tăng thị trường tiêu thụ trong nước từ 5% hiện tại lên 8%.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển mang tính đột phá, trọng tâm vào các nhóm sản phẩm như: thực phẩm chức năng, nguyên liệu kháng sinh, sản phẩm mỹ phẩm và các sản phẩm thử nghiệm thuốc từ tế bào gốc.
- Phát triển và hoàn thiện Ngân hàng lưu trữ tế bào gốc (Mekostem) để từng bước có thể ứng dụng trên cơ thể người.

Thành lập Công ty TNHH Mekophar tại Lô I-9-5, Đường D2, Khu công nghệ cao, Phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Tp.Hồ Chí Minh để xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn GMP – PIC/S.

6. Rủi ro

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

a. Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các tiền, tiền gửi và các khoản vay, nợ và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

b. Rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản tiền, tiền gửi, vay và nợ của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản tiền, tiền gửi, vay và nợ với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay		
VNĐ	+100	4.013.567.756
VNĐ	- 100	(4.013.567.756)
Năm trước		
VNĐ	+100	4.102.129.529
VNĐ	-100	(4.102.129.529)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

c. Rủi ro ngoại tệ:

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Độ nhạy của các khoản vay của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của ngoại tệ được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

	Thay đổi tỷ giá USD	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay	+1%	433.902.160
	-1%	(433.902.106)
Năm trước	+1%	256.310.806
	-1%	(256.310.806)

d. Rủi ro về giá cổ phiếu:

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 10.946.711.100 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 27.424.461.100 đồng Việt Nam). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 1.094.671.110 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng 10% lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 1.094.671.110 đồng Việt Nam.

e. Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

f. Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Phải trả người bán	45.027.181.129			45.027.181.129
Cộng	45.027.181.129			45.027.181.129
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Phải trả người bán	43.452.952.218			43.452.952.218
Cộng	43.452.952.218			43.452.952.218

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn. Đồng thời công ty kiểm soát lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn thanh toán.

Tài sản đảm bảo

Công ty không thế chấp và nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ so KH %
Tổng Doanh Thu	Triệu đồng	1.100.000	1.261.740	114,7%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	110.000	136.845	124,4%

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ so KH	Tỷ lệ so cùng kỳ 2015
Doanh thu	Triệu đồng	1.100.000	1.261.740	114,7%	117,22%
Kim ngạch XK	1.000 USD	4.000	3.898	97,4%	91,9%
Kim ngạch NK	1.000 USD	11.000	9.302	84,5%	84,9%
Nộp ngân sách	Triệu đồng	60.000	69.932	116,5%	107,3%
Lãi thực hiện	Triệu đồng	110.000	136.845	124,4%	101,4%

2. Tổ chức và nhân sự

Trong năm 2016, Công ty không có sự thay đổi nào liên quan đến bộ phận quản lý, điều hành. Điều này giúp cho hoạt động quản trị của Ban điều hành luôn ổn định qua các năm. Chi tiết thời gian bổ nhiệm của các cán bộ quản lý, điều hành của Công ty như sau:

2.1 Ban điều hành

➤ **Danh sách ban điều hành và tỷ lệ sở hữu:**

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Vị trí bổ nhiệm	Số cổ phần sở hữu
1	Bà Huỳnh Thị Lan	1951	Tổng Giám đốc	1.496.030
2	Bà Đặng Thị Kim Lan	1951	Phó Tổng Giám đốc	410.430
3	Ông Lê Anh Phương	1960	Phó Tổng Giám đốc	300.344
4	Bà Phan Thị Lan Hương	1977	Phó Tổng Giám đốc	1.111.078

➤ **Sơ lược lý lịch của các thành viên trong Ban điều hành:**

Bà Huỳnh Thị Lan:

Chức danh: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bà Lan bắt đầu làm việc tại MKP từ năm 1975 với vị trí khi đó là nhân viên Phụ trách kỹ thuật Phân xưởng Tiêm - Truyền tại Xí nghiệp Dược phẩm TW 24. Với thời gian làm việc gần 40 năm, trên cương vị Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc, bà đã có những đóng góp lớn trong việc định hướng phát triển Công ty trở thành một trong những doanh nghiệp dược phẩm vững mạnh như hiện nay.

Bà Đặng Thị Kim Lan:

Chức danh: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Tham gia vào Công ty từ năm 1980, bà Lan đã là gắn bó với Công ty hầu như từ những ngày đầu. Hiện nay bà là một trong những Phó Tổng Giám đốc chuyên trách tham gia giúp việc cho Tổng Giám đốc về sản xuất. Với chuyên ngành là dược sĩ, bà có kiến thức rất chuyên sâu về ngành dược và đã có những đóng góp nhất định trong công tác quản lý điều hành của Công ty.

Ông Lê Anh Phương:

Chức danh: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ông Phương tham gia làm việc tại Công ty với vị trí ban đầu là quản đốc phân xưởng cơ điện từ năm 1984. Hơn 30 năm làm việc, ông đã tham gia điều hành và hoàn thành tốt các công việc chuyên trách do Tổng Giám đốc giao.

Bà Phan Thị Lan Hương:

Chức danh: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Bà Hương là Phó Tổng Giám đốc chuyên trách về kế hoạch kinh doanh của công ty. Bà Hương làm việc tại phòng Kế hoạch Kinh doanh từ năm 2005, Với chuyên ngành là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, bà có kiến thức chuyên sâu để đưa ra Kế hoạch sản xuất và kinh doanh phù hợp thực tế nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh cao cho công ty và đã có những đóng góp nhất định trong công tác quản lý điều hành của Công ty.

2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**a. Số lượng CB.CNVLĐ:**

Số lượng CBCNV tại thời điểm ngày 31/12/2016 là 780 người, trong đó:

Phân loại theo trình độ	Số lao động	Tỷ lệ (%)
Đại học, trên Đại học	212	27
Cao Đẳng, Trung cấp	191	25
Phổ thông	377	48
Cộng	780	100

b. Chính sách đối với người lao động:**Chế độ làm việc:**

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 9h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h đối với các bộ phận văn phòng. Đối với cán bộ sản xuất, Công ty đang tổ chức sản xuất theo ca, với nhịp độ sản xuất 02 ca/ngày. Đối với các bộ phận đặc thù nhịp độ 03 ca/ngày.

Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh các nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và có đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản được bảo đảm theo đúng quy định của Bộ luật lao động.

Điều kiện làm việc:

Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Nhà ăn khang trang, thoáng mát, sạch sẽ, đảm bảo về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Tất cả cán bộ công nhân viên đều được Công ty đãi thọ một suất ăn mỗi ngày, ngoài ra đối với cán bộ sản xuất trực tiếp còn được hưởng chế độ trợ cấp độc hại.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là kỹ năng về GMP, kỹ năng về quản lý đối với cán bộ quản lý, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công nhân, nhân viên tại nhà máy sản xuất. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về GMP, về chuyên môn, nghiệp vụ, nội quy lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy, trách nhiệm quyền hạn được giao.

Đào tạo hàng năm: Căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, hàng năm Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện nội bộ hoặc kết hợp với các tổ chức chuyên nghiệp để huấn luyện. Kết quả sau mỗi khoá học được báo cáo đầy đủ ngay để Công ty đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo. Những cán bộ công nhân viên cử đi học được Công ty hỗ trợ chi phí học tập và tạo điều kiện về thời gian.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động:

Công ty có chế độ lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề và bảo đảm quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Nhằm khuyến khích động viên mức độ đóng góp của cán bộ công nhân viên trong Công ty, góp phần tăng năng suất và chất lượng hoàn thành công việc, Công ty đưa ra chính sách thưởng theo bình bầu ABC. Ngoài ra, tùy vào hiệu quả kinh doanh, Công ty xét thưởng thêm cho các cán bộ, tập thể nhân viên có nhiều đóng góp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bằng cách cộng thưởng thêm từ 1 tháng đến 4 tháng lương vào cuối mỗi năm. Hội đồng khen thưởng sẽ xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện năng suất lao động, tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức sản xuất.

Công ty thực hiện các chế độ cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ công nhân viên, tổ chức đi nghỉ mát trong và ngoài nước, duy trì phong trào Văn - Thể - Mỹ. Công đoàn cơ sở Công ty được trao tặng cờ khen tặng của Công đoàn y tế Việt Nam công nhận là Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc nhất trong nhiều năm liền.

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

3. Tình hình đầu tư

Giá trị đầu tư dài hạn đến ngày 31/12/2016 là 42.020.500.000 đồng, trong đó:

Stt	Tên danh mục đầu tư	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ trên vốn điều lệ (%)
1	C.Ty TNHH Bệnh viện TN ĐK An Sinh	2.464.000	18.510.000.000	22
2	Công ty TNHH TM DV DL Orchids		5.550.000.000	15
3	Công ty TNHH MTV Bất Động Sản ARECO		17.960.500.000	5

4. Tình hình tài chính:

4.1 Tình hình tài chính:

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Thực hiện 2015	% thực hiện so với	
					Kế hoạch 2016	Thực hiện 2015
1- Tổng tài sản	Tr. đồng		1.129.613	890.952		
2- Doanh thu thuần	Tr. đồng	1.100.000	1.261.740	1.076.372	114,7%	117,22%
3- Lợi nhuận từ HĐKD	Tr. đồng		135.700	125.720		
4- Lợi nhuận khác	Tr. đồng		1.145	9.269		
5- Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	110.000	136.845	134.989	124,4%	101,4%
6- Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng		104.119	100.705		
7- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%		23%	25%		

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (theo Báo cáo tài chính hợp nhất)

Stt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2015
1/-	Khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	9,02	5,51
	- Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	3,87	3,87
2/-	Cơ cấu vốn			
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	15%	22%
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	17%	28%
3/-	Năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	4,51	3,47
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,11	1,21
4/-	Khả năng sinh lời			
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Doanh số thuần	%	9,48%	9,36%
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	%	12,22%	14,46%
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	%	10,41%	11,30%
	- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	11,99%	11,68%
5/-	Chỉ tiêu khác			
	- Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	đồng	7.458	6.166
	- Giá trị sổ sách	đồng/cp	50.742	46.403

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 19.420.813 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 11.895.767 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 7.320.400 cổ phần
- Số lượng cổ phần quỹ: 277.646 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 19.143.167 cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Tổng cộng	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng Vốn điều lệ	687	194.208	100
1. Theo tỷ lệ sở hữu			
- Cổ đông lớn (sở hữu 5% trở lên)	5	116.928	60,21
- Cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%)	682	77.280	39,79
2. Theo loại hình sở hữu			
- Cổ đông tổ chức	15	106.039	54,60
- Cổ đông cá nhân	672	88.169	45,40
3. Theo trong và ngoài nước			
- Cổ đông trong nước	660	158.480	81,60
- Cổ đông nước ngoài	27	35.728	18,40
4. Theo nhà nước và tư nhân			
- Cổ đông nhà nước	1	35.284	18,17
- Cổ đông khác	686	158.924	81,83

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tại thời điểm 31/12/2016, vốn điều lệ của Công ty là 194.208.130.000 đồng. Công ty thực hiện tăng vốn theo Nghị Quyết Đại Hội Cổ đông năm 2016:

- o Công ty phát hành 740.000 cổ phiếu cho Cán bộ chủ chốt (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) với giá bán 20.000 đồng/cổ phần. Vốn tăng 14.760.000.000 đồng.
- o Công ty phát hành 3.557.400 cổ phiếu cho đối tác chiến lược (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) với giá bán 47.000 đồng/cổ phần. Vốn tăng 167.142.800.000 đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016:

- đề ra, mặc dầu có sự điều chỉnh tăng đáng kể các phí dịch vụ y tế nhưng giá Tình hình biến đổi khí hậu, dẫn đến điều kiện thời tiết xấu nên phần nào ảnh hưởng đến việc cung cấp nguyên liệu đầu vào của ngành Dược.
- Tốc độ tăng trưởng GDP trong nước thấp hơn mục tiêu thuộc tham gia thầu tại các Bệnh viện vẫn cạnh tranh rất lớn, nên cũng còn gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2016.

1.1 Đặc điểm tình hình:**❖ Nhập khẩu:**

- **Khó khăn:**
 - Hiện nay theo xu hướng bảo vệ môi trường trên toàn cầu nên nhiều nhà máy Trung Quốc bị đóng cửa vì không đạt tiêu chí về môi trường dẫn đến thiếu hụt một số nguyên liệu Dược, các công ty trong nước nói chung và Mekophar nói riêng phải tìm nguồn cung cấp khác rất mất thời gian và còn phải xin giấy phép nhập khẩu cho nhà cung cấp mới, việc này gặp rất nhiều khó khăn.
 - Giá nguyên liệu tăng đột biến từ 30-40%.
 - Cuối năm 2016 và đầu năm 2017 là thời điểm giao thời áp dụng việc sử dụng số đăng ký thành phẩm công bố của Cục Quản lý Dược cấp cho các doanh nghiệp để làm thủ tục nhập khẩu nguyên liệu mà không cần phải xin giấy phép nhập khẩu như trước đây, nhưng do có một số nguyên liệu trong hồ sơ đăng ký có tiêu chuẩn quá cũ không cập nhật kịp thời các tiêu chuẩn mới (Vì từ khi nộp hồ sơ cho đến thời điểm được cấp số đăng ký quá dài) nên doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn trong việc nhận hàng nhập tại các cửa khẩu cảng và sân bay.
- **Thuận lợi:** Một số nhà cung cấp có nguồn hàng với chất lượng tốt và giá cả ổn định đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất của công ty.

❖ Xuất khẩu:

- **Khó khăn:** Hiện nay, do tình hình chính trị tại một vài thị trường bất ổn, tình trạng khan hiếm đồng đô la Mỹ, và thêm vào đó có một số thị trường có thay đổi về chính sách tăng thuế nhập khẩu một số sản phẩm nên dẫn đến việc hạn chế đặt hàng của khách hàng ở các thị trường này.
- **Thuận lợi:** Một vài thị trường ổn định và tiếp tục đăng ký thêm một số sản phẩm mới nên tiếp tục có đơn đặt hàng ổn định.

1.2 Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016		Thực hiện 2015	Tỷ lệ so KH	Tỷ lệ so 2015
		Kế hoạch	Thực hiện			
Doanh thu	Triệu đồng	1.100.000	1.261.740	1.076.371	114,7%	117,22%
Kim ngạch XK	1.000 USD	4.000	3.898,843	4.238,886	97,4%	91,9%
Kim ngạch NK	1.000 USD	11.000	9.302,495	10.950,369	84,5%	84,9%
Nộp ngân sách	Triệu đồng	60.000	69.932	65.167	116,5%	107,3%
Lãi thực hiện	Triệu đồng	110.000	136.845	134.989	124,4%	101,4%

Tổng doanh thu so với cùng kỳ năm 2015 tăng, tuy nhiên về doanh thu sản xuất thì không cao do công ty không cạnh tranh được về giá với các công ty dược trong nước trong lĩnh vực đấu thầu.

Năm nay sản phẩm xuất khẩu cũng giảm do đối tác Nigeria cũng gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh vì tình hình cạnh tranh với hàng Trung Quốc và Ấn Độ.

1.3 Công tác khoa học công nghệ:

* Nghiên Cứu Mặt Hàng Mới:

Phòng Nghiên cứu phát triển đã tập trung nghiên cứu các mặt hàng mới đáp ứng nhu cầu thị trường.

Tổng số hồ sơ đăng ký mới năm 2016.

- 37 mặt hàng còn chờ số đăng ký.
- 10 mặt hàng đã có số đăng ký.

* Triển Khai Áp Dụng GMP, GLP, GSP:

Vào tháng 11 năm 2016 công ty đã được Cục Quản Lý Dược tái xét GMP và công nhận tiếp tục đạt tiêu chuẩn GMP WHO.

* Sở Hữu Công Nghiệp:

Tổng số sản phẩm hiện đơn vị có số đăng ký sản xuất: 324 sản phẩm.

Tổng số sản phẩm đã đăng ký nhãn hiệu hàng hóa: 285 sản phẩm.

1.4 Công tác phát triển thị trường:

❖ Thị trường trong nước:

- Do công tác đấu thầu không thuận lợi nên thị trường trong nước năm nay không được phát triển tốt.
- Công ty phát triển đội ngũ Trình Dược Viên để cung ứng thuốc đến các Bệnh Viện và Nhà Thuốc tư nhân.
- Mở thêm chi nhánh Mekophar tại Nghệ An để phát triển hệ thống phân phối.

❖ Thị trường ngoài nước:

- Năm 2016 đã có số đăng ký ở thị trường mới là Cambodia.
- Mekophar đang tiến hành hồ sơ đăng ký sản phẩm sang thị trường mới: Sri Lanka
- Các khách hàng truyền thống như Nigeria, Congo, Moldova, Mông Cổ, Papua New Guinee, Nga, Mongolia, Bulgaria, Turmenistan, Tadjikistan, Belarus ổn định.
- Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu thuộc nhóm: Thuốc kháng sinh, thuốc trị sốt rét, các loại vitamin, giảm đau, hạ sốt

1.5 Ngân hàng tế bào gốc Mekostem:

❖ KHÁCH HÀNG:

	ĐVT	Kế hoạch 2016	Thực hiện	Tỉ lệ so KH
Số lượng khách hàng	khách	1.100	1.085	98,6%
Doanh số	Tỷ	50	55,273	110,6%

❖ THỊ TRƯỜNG:

- Duy trì tốt việc hợp tác với các bệnh viện đã ký hợp đồng hợp tác cũng như các cộng tác viên.
- Trong năm 2016 đã triển khai hợp tác thành công với Bệnh viện Tâm trí Đà Nẵng, Bệnh viện Gia đình Đà Nẵng và Bệnh viện Tâm Trí Khánh Hòa.

❖ **KỸ THUẬT - TRANG THIẾT BỊ:**

- Xây dựng phòng quản lý chất lượng.
- Hoàn tất hồ sơ gia nhập AABB với mã thành viên: **000001703974**
- Hoàn tất việc tự đánh giá theo yêu cầu của AABB.
- Trang bị thêm 1 số thiết bị:
 - Hệ thống in mã vạch theo tiêu chuẩn ISBT 128.
 - Hệ thống Flowcytometry (đếm tế bào và xác định Marker tế bào).
 - 3 Tank lưu trữ mẫu; thiết bị cho phòng nghiên cứu phát triển.

❖ **PHÁT TRIỂN - NGHIÊN CỨU - KHOA HỌC:**

- Hoàn tất thiết kế và đang tiến hành xây dựng ngân hàng MKS tại khu công nghệ cao.
- Đã chuyển mẫu tế bào gốc máu dây rốn ra cho bệnh viện Vinmec để ghép ca bại não.
- Chuẩn bị nhận các dịch nổi tế bào gốc từ TS.Terunuma (Tokyo Clinic) để kết hợp với BV An Sinh tiến hành đề tài điều trị bệnh suy gan thận và tiểu đường.
- Thực hiện 1 đề tài cấp cơ sở “Xác định thành phần cytokine trong một số sản phẩm sinh học của ngân hàng Tế Bào Gốc MekoStem”, nghiệm thu trong tháng 3/2017.

2. DỰ ÁN NHÀ MÁY MỚI:

❖ **Tiến độ thực hiện dự án:**

- Khởi công xây dựng: 09/2016
- Hoàn tất công trình: 09/2017
- Lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành thử: 01/2018
- Thẩm định, được công nhận GMP PIC/S và GMP WHO.
- Bắt đầu hoạt động chính thức: dự kiến cuối năm 2018..

❖ **Kinh Phí Dự án: 850.571.177.095 VNĐ** bao gồm:

- Chi phí sử dụng đất: 65.547.405 VNĐ
- Chi phí đóng cọc: 16.667.756.500 VNĐ
- Chi phí xây dựng: 463.908.800.727 VNĐ
- Chi phí thiết bị: 150.333.179.094 VNĐ
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 25.521.548.819 VNĐ
- Chi phí khác: 194.074.344.550 VNĐ

Tiến Độ Giải Ngân:

Tại thời điểm cuối năm 2016 đã chi cho dự án: **233.393.000.000 VNĐ**

3. THÀNH TÍCH THI ĐUA KHEN THƯỞNG:

STT	Hình thức	Lý do	Nơi khen thưởng
1	Cờ thi đua	Đã hoàn thành xuất sắc toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước	Chính phủ
2	Bằng khen	Đã có thành tích trong sản xuất, kinh doanh-Dược phẩm. Góp phần vào sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc nâng cao SK nhân dân	Bộ Y tế
3	Bằng khen	Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh	Ban Chấp hành TLĐLĐ VN
4	Chứng nhận	Thương hiệu mạnh Việt Nam	Thời báo kinh tế
5	Giấy khen	Đã tích cực tham gia phong trào thi đua yêu nước Q.11	UBND-Q11
6	Chứng nhận	Đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao-ngành Dược phẩm	Hội DN Hàng VN chất lượng cao
7	Quyết định công nhận	Công nhận tổ chức cơ sở Đảng "trong sạch, vững mạnh"	Ban thường vụ-ĐU khối cơ sở BHYT
8	Giấy khen	Đã có thành tích trong công tác phối hợp thực hiện tốt chính sách BHXH-BHYT cho người lao động	BHXH-Tp.HCM
9	Giấy khen	Đã có thành tích chấp hành nghĩa vụ nộp thuế	Cục trưởng cục thuế-Tp.HCM
10	Giấy khen	Đã có thành tích tiêu biểu trong 15 năm thực hiện phong trào "toàn dân xây dựng đời sống văn hóa" (2000-2015)	UBND-Q11

4. CÔNG TÁC XÃ HỘI:

Công ty Mekohar thường xuyên tham gia các công tác xã hội từ thiện:

- Hỗ trợ tết cho cán bộ ngành Dược.
- Công tác cùng bác sĩ tình nguyện khám chữa bệnh người dân hộ nghèo, Gia Đình chính sách Đăklăk.
- Học bổng Nguyễn Văn Hưởng.
- Thăm tặng quà cho công nhân khó khăn.
- Hỗ trợ Bệnh viện Quận 2 tham gia công tác khám chữa bệnh cho người nghèo Tây Ninh, Khánh Hòa.
- Thăm tặng quà cho gia đình thương binh liệt sĩ nhân ngày 27/7.
- Hỗ trợ công tác khám chữa bệnh của hội thầy thuốc Thành phố.
- Hỗ trợ công tác ngày hội hiến máu nhân đạo.
- Tham gia đoàn cứu trợ đồng bào nghèo bị bão lụt Hà Tĩnh (cùng với bệnh viện 175, bệnh viện An Sinh, và Bệnh viện Quân Y 4- QK4).
- Tham gia đoàn cứu trợ đồng bào nghèo Bình Định bị bão lụt.

Tổng cộng công tác xã hội từ thiện: **453.600.000 đồng**

5. PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Tập trung chủ yếu cho việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm mới với các thiết bị hiện đại, tự động hoá được nhập khẩu từ các nước tiên tiến theo tiêu chuẩn PIC/S. Đồng thời phát triển hơn thị trường OTC. Trong năm 2017 đưa ra phương hoạt động như sau:

5.1 Các chỉ tiêu kế hoạch:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2017
Doanh thu	Triệu đồng	1.300.000
Kim ngạch XK	1.000 USD	4.000
Kim ngạch NK	1.000 USD	11.000
Nộp ngân sách	Triệu đồng	60.000
Lãi thực hiện (trước thuế)	Triệu đồng	110.000

5.2 Công tác đầu tư phát triển:

- Tiếp tục tiến hành xây dựng nhà máy mới tại khu công nghệ cao TP.HCM, cố gắng đảm bảo tiến độ theo kế hoạch.
- Tiếp tục đầu tư thiết bị máy móc cho nhà máy mới, tiến hành lắp đặt thiết bị và thẩm định.
- Nhận chuyển giao công nghệ và thực hiện công tác soạn thảo hồ sơ tài liệu GMP.

5.3 Công tác Khoa Học Công Nghệ:

- Tiếp tục nghiên cứu mặt hàng mới và hoàn tất hồ sơ đăng kí.
- Triển khai sản xuất các mặt hàng đã có số đăng kí.

5.4 Công tác tài chính kế toán:

- Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế tài chính theo đúng luật định.
- Sử dụng vốn hiệu quả, đảm bảo tính minh bạch và công khai tài chính.
- Tăng vòng quay vốn, rút ngắn thời gian thu hồi vốn, giảm tối đa tỷ lệ nợ khó đòi dự trữ hàng tồn kho hợp lý.

5.5 Công tác phát triển Thị trường:

- Công ty xác định cần phát triển chuỗi nhà thuốc tại thành phố Hồ Chí Minh để tăng thị trường nội địa.
- Tiếp tục mở rộng hệ thống phân phối đến các tỉnh thành trên cả nước góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận, thị trường sản phẩm và nâng cao thương hiệu MKP.
- Phát triển hoạt động chi nhánh Nghệ An.
- Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu thuốc đi các nước, nhất là các thị trường Nigeria, Congo, Moldova, Nga, Mông Cổ, Bulgaria.
- Tiếp tục chào giá và gửi mẫu sản phẩm đi các nước để gia tăng thị trường xuất khẩu.
- Phát triển mặt hàng Đông Dược, Thực Phẩm Chức Năng.

5.6 Ngân hàng tế bào gốc MekoStem:

- Hoàn thành kế hoạch do Hội Đồng Quản Trị và ban Tổng Giám Đốc đặt ra.
- Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn AABB.
- Chuẩn bị cho việc xét duyệt thực tế cũng như yêu cầu chỉnh sửa sau khi AABB đánh giá qua hồ sơ đã nộp.
- Kết hợp với Bệnh Viện An Sinh để thử nghiệm lâm sàng.
- Nghiệm thu đề tài nghiên cứu cấp cơ sở và xây dựng đề tài nghiên cứu mới.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Thành viên Hội đồng quản trị:**

Năm 2016, Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar hoạt động theo Quy chế hoạt động của HĐQT, Điều lệ công ty ban hành ngày 25/04/2016, đáp ứng tốt quy định của Nhà nước về Quản trị công ty đại chúng.

Số thành viên HĐQT là 07 (bảy) thành viên, trong năm HĐQT có sự thay đổi như sau:

Bà VÕ THỊ THANH VÂN đã làm đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT, ngày 12/12/2016 HĐQT đã ban hành Nghị quyết 08/NQ-HĐQT thông qua việc miễn nhiệm thành viên nêu trên. Đồng thời bổ nhiệm tạm thời Ông KAZUYA SHINOZAWA kể từ ngày 01/01/2017.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016:

HĐQT Mekophar duy trì việc họp định kỳ hàng quý nhằm tổng kết, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh mỗi quý, trao đổi các vấn đề và định hướng kế hoạch cho quý sau, đồng thời đưa ra các quyết định kịp thời để quản trị công ty.

Trong năm 2016, HĐQT đã tiến hành 08 (tám) phiên họp định kỳ bằng hình thức trực tiếp. Việc tổ chức các phiên họp của HĐQT đảm bảo được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự các cuộc họp và biểu quyết, cụ thể như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Huỳnh Thị Lan	Chủ Tịch HĐQT	08	100%	
2	Bà Đặng Thị Kim Lan	TV HĐQT	08	100%	
3	Ông Lê Anh Phương	TV HĐQT	08	100%	
4	Bà Võ Thị Thanh Vân	TV HĐQT	08	100%	
5	Ông Nguyễn Đức Thắng	TV HĐQT	06	75%	Công tác khác
6	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	TV HĐQT	08	100%	
7	Bà Phan Thị Lan Hương	TV HĐQT	07	87%	Nghỉ Hộ Sản

Các Nghị quyết HĐQT đã ban hành trong năm 2016 để Ban điều hành tổ chức thực hiện, với nội dung chi tiết như sau:

Stt	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	01/02/2016	Thông qua tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh năm 2015 và phương hướng năm 2016
2	02/NQ- HĐQT	07/03/2016	Thông qua tỷ lệ trích chi phí lương khoán hàng tháng cho phòng Kế Hoạch Kinh Doanh
3	03/NQ- HĐQT	22/03/2016	Thống nhất thời gian họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và các tờ trình và báo cáo.
4	04/NQ- HĐQT	19/04/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua tờ trình phát hành cổ phiếu năm 2016 và Báo cáo Ban Kiểm Soát năm 2015. - Thông qua quyết định mua cổ phiếu do Công Ty Bao Bì Dược phát hành. - Thông qua chi phí xây dựng nhà máy mới.
5	05/NQ- HĐQT	06/06/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh 5 tháng đầu 2016. - Thông qua Hợp đồng hợp tác kỹ thuật với công ty Nipropharma – Nhật bản. - Thông qua báo cáo v/v phát hành cổ phiếu cho công ty Nipro và phát hành cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt.
6	06/NQ-HĐQT	30/08/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo kế hoạch kinh doanh và việc phát hành cổ phiếu cho đối tác Nipro. - Thống nhất đầu tư vốn sang Công Ty Mekophar BP là 400 tỷ đồng và kế hoạch vay vốn ngân hàng để mua thiết bị máy móc cho nhà máy mới. - Thống nhất tạm ứng cổ tức 2016 là 10%.
7	07/NQ- HĐQT	03/10/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất phương án hợp tác kinh doanh giữa Mekophar và công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Du Lịch Orchids để xây dựng và khai thác Dự án Văn Phòng - Khách Sạn Orchids. - Điều chỉnh mục tiêu Dự án Nhà máy mới tại khu Công Nghệ Cao: thêm hoạt động tư vấn quản lý.
8	08/NQ- HĐQT	12/12/2016	Đồng ý chấp nhận đơn từ chức thành viên HĐQT của DS Võ Thị Thanh Vân và Ông Kazuya Shinozawa sẽ tạm thời thay thế trong thời gian chờ thông qua ĐHCĐ.
9	09/NQ- HĐQT	12/12/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua tình hình sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế hoạch thưởng cho CBNV năm 2016 - Dự kiến chia cổ tức năm 2016: 20%
10	10/NQ- HĐQT	12/12/2016	Thống nhất đăng ký lên sàn UPCOM từ tháng 1/2017

Các Biên bản và Nghị quyết của HĐQT đều dựa trên sự trao đổi, thống nhất cao của các thành viên, trên cơ sở lợi ích cao nhất của cổ đông cũng như các bên liên quan.

Hội Đồng Quản Trị đã tập trung chỉ đạo, hỗ trợ hoạt động của Ban Giám Đốc để thực hiện tốt nhiệm vụ mà Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2016 đã giao.

3. CÔNG TÁC GIÁM SÁT BAN ĐIỀU HÀNH:

HĐQT đã giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông và các Nghị quyết HĐQT ban hành trong năm 2016 của Ban Điều hành thông qua các tình hình hoạt động như sau:

3.1 Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2016 thị trường ngành Dược lại cạnh tranh rất khốc liệt, đặc biệt là việc đấu thầu thuốc vào Bệnh viện đã khiến công ty gặp phải không ít khó khăn, trở ngại.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 đã nói lên sự nỗ lực của HĐQT, Ban Giám Đốc và tập thể CBNV công ty Mekophar. Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với nhà nước, đảm bảo quyền lợi cổ đông, tạo việc làm ổn định và thu nhập ngày càng nâng cao cho người lao động.

Trên cơ sở chỉ đạo, giám sát và tạo điều kiện của Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar đã hoàn thành tốt nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2016 về các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016		Tỉ lệ so KH
		Kế hoạch	Thực hiện	
Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.100.000	1.261.740	114,7%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	110.000	136.845	124,4%
Cổ tức	%	20%	Dự kiến 23% bằng tiền mặt (đã tạm ứng 10%)	115%

3.2 Thực hiện Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông:

Hội Đồng Quản Trị đã cùng Ban Tổng Giám Đốc triển khai các giải pháp khắc phục các khó khăn để hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2016.

- Giám sát công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2016. Tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng với các lãnh đạo các Phòng Ban, Phân Xưởng để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp.
- Tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên vào ngày 25/04/2016 thành công tốt đẹp.
- Thực hiện xong chi trả cổ tức năm 2015 theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Thực hiện xong việc chi trả cổ tức tạm ứng đợt 1 năm 2016 với tỉ lệ 10%.
- Thực hiện xong phương án phát hành cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt và đối tác chiến lược nước ngoài.
- Giám sát & đôn đốc việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào hệ thống quản trị công ty. Từ năm 2016 hệ thống đã được vận hành tại trụ sở chính của công ty, các hiệu thuốc và các chi nhánh Cần Thơ, Đà Nẵng, Hà Nội và chi nhánh mới Nghệ An.

- Xúc tiến việc đăng ký sản xuất thuốc nhượng quyền với công ty Nipro-Nhật Bản.
- Ngày 17/04/2016 đã làm lễ động thổ xây dựng nhà máy mới tại Khu Công Nghệ Cao TP.HCM. Hiện nay tiến độ xây dựng đã đạt 50% và dự kiến tháng 9 năm 2017 sẽ hoàn thành công trình xây dựng cơ bản.

3.3. Tình Hình Đầu Tư Tài Chính:

- **Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết:**

- Thực hiện góp 400 tỷ đồng vào Công ty con là Công ty TNHH Mekophar để triển khai dự án nhà máy mới tại Khu Công Nghệ Cao TP.HCM.
- Vốn điều lệ của Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa An Sinh đã tăng bằng bổ sung quỹ đầu tư phát triển, nên phần vốn góp theo vốn điều lệ của Công ty Mekophar cũng tăng từ 19,8 tỷ đồng lên 24,64 tỷ đồng và vẫn chiếm tỷ lệ 22%
- Công ty đã chuyển nhượng 1 tỷ đồng vốn góp tại Công ty cổ phần Dược phẩm Mekong để bảo toàn thu hồi vốn.
- Cổ tức nhận được từ đầu tư của công ty liên kết trong năm 2016 là 4.050.000.000 đồng

- **Đầu tư tài chính ngắn hạn:**

- Trong năm 2016, Công ty Cổ phần Bao Bì Dược có phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, công ty đã đầu tư mua số cổ phần theo tỷ lệ quyền được mua, nâng vốn đầu tư từ 5,15 tỷ đồng lên 6,63 tỷ đồng.
- Đầu tư chứng khoán kinh doanh tại ngày 31/12/2016 như sau:

Stt	Tên công ty	Trị giá (VNĐ)
1	Công Ty CP DPTW VIDIPHAR	4.070.000.000
2	Công Ty CP DP OPC	241.461.100
3	CTy CP Bao Bì Dược	6.635.250.000
	Tổng Cộng	10.946.711.100

Cổ tức nhận được từ đầu tư chứng khoán năm 2016 là: **1.338.640.000 đồng**

4. BÁO CÁO CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BKS NĂM 2016:

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar, Hội Đồng Quản Trị báo cáo chi phí hoạt động của HĐQT Công Ty như sau:

- Tổng doanh thu sản xuất chính: 703.774.863.957 đồng
- Chi phí được trích (0,2%/ Doanh thu): 1.407.549.728 đồng
- Số thực chi: 1.314.000.000 đồng
- Chi phí thừa năm 2016 hoàn nhập: 93.549.728 đồng

5. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017:

Định hướng phát triển dài hạn của Công ty là thực hiện công nghệ sản xuất thuốc tân dược theo tiêu chuẩn PIC/S. Vì vậy, tập trung chủ yếu cho việc đầu tư thiết bị để xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm mới với các thiết bị hiện đại, tự động hoá, được nhập khẩu từ các nước tiên tiến. Năm 2017 Hội Đồng Quản Trị đưa ra phương hướng hoạt động như sau:

5.1 Các chỉ tiêu kế hoạch:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2017
Doanh thu	Triệu đồng	1.300.000
Lãi thực hiện	Triệu đồng	110.000
Cổ tức	%	18%

5.2 Các hoạt động

Năm 2017 được dự báo là một năm tiếp tục khó khăn của kinh tế Việt Nam, cũng như với ngành Dược và Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar.

Hội Đồng Quản Trị xác định chủ trương hướng hoạt động vào một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Thông qua các chủ trương, chính sách của công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban Giám Đốc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017.
- Tập trung phát triển các mặt hàng mới, chủ lực và tiềm năng, cải tiến mẫu mã, bao bì sản phẩm bảo đảm thẩm mỹ, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh của thị trường.
- Tập trung các giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao lợi nhuận, như xây dựng kế hoạch tài chính, đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến, cải tiến qui trình công nghệ, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí trong sản xuất
- Tiếp tục công tác xây dựng nhà máy mới tại khu công nghệ cao TP.HCM với giai đoạn 1 xây dựng dây chuyền sản xuất thuốc Non Beta Lactam đạt tiêu chuẩn PIC/S và xây dựng ngân hàng Tế Bào Gốc MekoStem. Dự kiến tháng 09 năm 2017 sẽ hoàn thành xây dựng nhà máy và nâng vốn điều lệ của Công ty TNHH Mekophar từ 400 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng. Sau khi được duyệt xét GMP WHO, GMP PIC/s, cuối năm 2018 sẽ xuất khẩu thuốc sang Nhật.
- Phát triển kế hoạch hợp tác với các Công Ty Dược nước ngoài sản xuất kinh doanh các mặt hàng đòi hỏi công nghệ cao, các mặt hàng đặc trị .
- Đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm sang các nước thuộc Nigeria, Congo, Moldova, Cambodia và các nước khác.
- Tiếp tục mở rộng hoạt động Ngân hàng Tế Bào Gốc (MekoStem) trên khắp lãnh thổ Việt Nam.
- Liên kết với các Bệnh Viện xúc tiến việc thực hiện ứng dụng Tế Bào Gốc trong điều trị.
- Tiếp tục xúc tiến dự án về đất đai tại lô đất 297/5 Lý Thường Kiệt - Quận 11 và tại 620 Kinh Dương Vương - Quận Bình Tân, tìm kiếm đối tác tin cậy, có tiềm lực về tài chính để liên kết kinh doanh.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:**1. Hội đồng quản trị:****1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:**

Số tt	Họ & tên	Năm sinh	Chức danh	Tổng số CP sở hữu	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Bà Huỳnh Thị Lan	1951	Chủ tịch HĐQT	1.406.030	10.95%	
2	Bà Đặng Thị Kim Lan	1951	Ủy viên HĐQT	340.430	2.65%	
3	Ông Lê Anh Phương	1960	Ủy viên HĐQT	230.344	1.79%	
4	Bà Phan Thị Lan Hương	1977	Ủy viên HĐQT	1.041.078	8.10%	
5	Bà Võ Thị Thanh Vân	1950	Ủy viên HĐQT	134.720	1.05%	
6	Ông Nguyễn Quốc Thắng	1965	Ủy viên HĐQT	-	0%	
7	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	1965	Ủy viên HĐQT	163.134	1.27%	

1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp của HĐQT trong năm 2016:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Huỳnh Thị Lan	Chủ Tịch HĐQT	08	100%	
2	Bà Đặng Thị Kim Lan	TV HĐQT	08	100%	
3	Ông Lê Anh Phương	TV HĐQT	08	100%	
4	Bà Võ Thị Thanh Vân	TV HĐQT	08	100%	
5	Ông Nguyễn Đức Thắng	TV HĐQT	06	75%	Công tác khác
6	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	TV HĐQT	08	100%	
7	Bà Phan Thị Lan Hương	TV HĐQT	07	87%	Nghỉ Hộ Sản

Các Nghị quyết HĐQT đã ban hành trong năm 2016 để Ban điều hành tổ chức thực hiện, với nội dung chi tiết như sau:

Stt	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	01/02/2016	Thông qua tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh năm 2015 và phương hướng năm 2016
2	02/NQ- HĐQT	07/03/2016	Thông qua tỷ lệ trích chi phí lương khoán hàng tháng cho phòng Kế Hoạch Kinh Doanh
3	03/NQ- HĐQT	22/03/2016	Thống nhất thời gian họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và các tờ trình và báo cáo.
4	04/NQ- HĐQT	19/04/2016	- Thông qua tờ trình phát hành cổ phiếu năm 2016 và Báo cáo Ban Kiểm Soát năm 2015. - Thông qua quyết định mua cổ phiếu do Công Ty Bao Bì Dược phát hành. - Thông qua chi phí xây dựng nhà máy mới.

5	05/NQ- HĐQT	06/06/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh 5 tháng đầu 2016. - Thông qua Hợp đồng hợp tác kỹ thuật với công ty Nipropharma – Nhật bản. - Thông qua báo cáo v/v phát hành cổ phiếu cho công ty Nipro và phát hành cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt.
6	06/NQ-HĐQT	30/08/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo kế hoạch kinh doanh và việc phát hành cổ phiếu cho đối tác Nipro. - Thống nhất đầu tư vốn sang Công Ty Mekophar BP là 400 tỷ đồng và kế hoạch vay vốn ngân hàng để mua thiết bị máy móc cho nhà máy mới. - Thống nhất tạm ứng cổ tức 2016 là 10%.
7	07/NQ- HĐQT	03/10/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất phương án hợp tác kinh doanh giữa Mekophar và công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Du Lịch Orchids để xây dựng và khai thác Dự án Văn Phòng - Khách Sạn Orchids. - Điều chỉnh mục tiêu Dự án Nhà máy mới tại khu Công Nghệ Cao: thêm hoạt động tư vấn quản lý.
8	08/NQ- HĐQT	12/12/2016	Đồng ý chấp nhận đơn từ chức thành viên HĐQT của DS Võ Thị Thanh Vân và Ông Kazuya Shinozawa sẽ tạm thời thay thế trong thời gian chờ thông qua ĐHĐCĐ.
9	09/NQ- HĐQT	12/12/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua tình hình sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế hoạch thưởng cho CBNV năm 2016 - Dự kiến chia cổ tức năm 2016: 20%
10	10/NQ- HĐQT	12/12/2016	Thống nhất đăng ký lên sàn UPCOM từ tháng 1/2017

2. Ban Kiểm soát:

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Số tt	Họ & tên	Năm sinh	Chức danh	Tổng Số CP sở hữu	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Viết Luận	1965	Trưởng BKS		0%	
2	Ông Nguyễn Bá Khoa	1977	Thành Viên BKS	720	0,01%	
3	Ông Trần Trung Ngôn	1966	Thành Viên BKS	66.300	0,52%	

2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm, Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện những hoạt động sau:

- Giám sát việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ, Quy chế trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016, và các nghị quyết của Hội đồng quản trị (HĐQT).
- Kiểm soát Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016.
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT.
- Giám sát tình hình đầu tư xây dựng và thực hiện kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc.

2.3. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2016

* Kế hoạch kinh doanh năm 2016

Công ty đã hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2016 mà Đại hội đồng cổ đông đã giao, cụ thể:

- Doanh thu thuần năm 2016 của Mekophar (MKP) đạt 1.261 tỷ đồng, tăng 17,22% so với năm 2015, và vượt 14,70% so với kế hoạch năm 2016.
- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2016 đạt 152,4 tỷ đồng tăng 12,9% so với năm 2015, vượt 38,55% so với kế hoạch.
- Trong kỳ, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2016 một (01) lần vào tháng 11/2016 với tỷ lệ tạm ứng là 10%

Bảng 01: Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2016

Đơn vị tính: ngàn đồng

CHỈ TIÊU	2015	Năm 2016		So sánh TH 2016 với:	
		KH 2016	TH 2016	2015	KH 2016
1. Doanh thu thuần	1.076.371.782	1.100.000.000	1.261.740.003	117,22%	114,70%
2. Giá vốn hàng bán	836.911.502		994.701.735	118,85%	
3. Lợi nhuận gộp BH và CCDV	239.460.281		267.038.268	111,52%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	18.061.850		29.437.509	162,98%	
5. Chi phí tài chính	(1.244.382)		618.594	-88,93%	
6. Lãi lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết			15.469.734		
7. Chi phí bán hàng	59.800.013		63.771.322	106,64%	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	73.246.218		95.810.535	130,81%	
9. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	125.720.281		151.257.043	120,31%	
9. Thu nhập khác	9.662.354		1.265.706	13,10%	
10. Chi phí khác	393.613		120.326		
11. Lợi nhuận khác	9.268.741		1.145.380	12,36%	
12. Tổng lợi nhuận trước thuế	134.989.023	110.000.000	152.402.423	112,90%	138,55%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2016

Ghi chú: Lợi nhuận trước thuế tăng 38,5% nêu trên đã bao gồm phần lợi nhuận tăng thêm do việc ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Bệnh viện Đa khoa An Sinh (cụ thể là 22% trên khoản lợi nhuận giữ lại chưa phân phối). Do Báo cáo tài chính năm 2016 của Bệnh viện Đa khoa An Sinh chưa được kiểm toán nên nếu loại trừ khoản tăng thêm này thì lợi nhuận trước thuế của Công ty chỉ đạt 136,9 tỷ đồng, tương ứng tăng 24,5% so với kế hoạch.

a. Chọn Công ty kiểm toán

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, trong kỳ Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp.HCM (AISC) làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty.

b. Chi trả cổ tức

Đại hội đồng cổ đông ngày 25/04/2016 đã thông qua mức chi trả cổ tức cho năm tài chính 2015 là 25% bằng tiền mặt. Trong kỳ, Hội đồng quản trị đã tạm ứng 15%, phần còn lại 10% đã được Hội đồng quản trị thực hiện chi trả vào tháng 06/2016.

c. Phát hành thêm cổ phiếu huy động vốn

Trong năm, Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 05/HĐQT ngày 25/04/2016 về việc phát hành cổ phiếu cho Cán bộ chủ chốt và Đối tác chiến lược để huy động vốn tài trợ cho Dự án “Đầu tư nghiên cứu và phát triển sản xuất Sinh - Dược phẩm Mekophar”, tại Khu Công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh với kết quả như sau:

- Tháng 07/2016 hoàn tất việc phát hành 740.000 cổ phiếu cho Cán bộ chủ chốt với giá 20.000 đồng/cổ phiếu. Số tiền thu được là 14.480.000.000 đồng.
- Tháng 09/2016 hoàn tất việc phát hành 3.557.400 cổ phiếu cho Đối tác chiến lược là Nipro Pharma Corporation với giá 47.000 đồng/cổ phiếu. Số tiền thu được là 167.197.800.000 đồng.
- Tổng số tiền thu được từ 02 đợt phát hành trong năm 2016 là 181.997.800.000 đồng.

d. Thực hiện dự án đầu tư nghiên cứu và phát triển sản xuất Sinh - Dược phẩm Mekophar

Trong kỳ, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc tăng vốn và chuyển vốn cho Công ty TNHH Mekophar (Mekophar BP) từ 50 tỷ lên 400 tỷ đồng để triển khai dự án “Đầu tư nghiên cứu và phát triển sản xuất Sinh - Dược phẩm Mekophar”. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị Mekophar cũng thông qua việc bảo lãnh để Mekophar BP vay vốn kích cầu 100 tỷ đồng, và vay ngân hàng 10 triệu USD để tài trợ cho việc mua sắm máy móc thiết bị cho dự án.

2.4 KẾT QUẢ THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH 31/12/2016

Theo ý kiến của Ban kiểm soát, Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đã thực hiện đúng theo hướng dẫn về chế độ kế toán, phù hợp với các quy định hiện hành, đồng thời phản ánh trung thực, hợp lý các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016.

a. Tình hình tài sản cuối kỳ

Khảo sát sự tăng giảm tài sản, chúng tôi nhận thấy so với đầu năm tổng tài sản cuối kỳ tăng 258,2 tỷ đồng, sự biến động tăng tài sản trong kỳ chủ yếu do các nhân tố sau đây:

- Tài sản ngắn hạn tăng 144,9 tỷ đồng, trong đó:
 - + Tiền mặt: tăng 137,6 tỷ đồng, chủ yếu là tiền thu từ việc phát hành thêm cổ phiếu cho Cán bộ chủ chốt và Đối tác chiến lược.
 - + Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: giảm 146,5 tỷ đồng.

Công ty giảm tiền gửi có kỳ hạn để thanh toán theo tiến độ cho dự án nhà máy mới đang triển khai; Chuyển số tiền đầu tư vào Công ty TNHH MTV Bất động sản

Areco từ khoản mục đầu tư chứng khoán ngắn hạn sang đầu tư góp vốn vào đơn vị khác thuộc đầu tư tài chính dài hạn; và chi 1,48 tỷ đồng để thực hiện quyền mua thêm 148.275 cổ phiếu Công ty Cổ phần Bao bì Dược.

+ Các khoản phải thu: tăng 166,9 tỷ đồng.

Công ty trả trước cho người bán là các nhà thầu xây dựng của dự án nhà máy mới đang triển khai.

+ Hàng tồn kho: giảm 21,6 tỷ đồng.

+ Tài sản ngắn hạn khác: tăng 8,4 tỷ đồng.

- Tài sản dài hạn tăng 113,3 tỷ đồng, trong đó:

+ Tài sản cố định: giảm 5,2 tỷ đồng, bao gồm:

Đầu tư tài sản cố định: tăng 9,1 tỷ đồng.

Khấu hao tài sản cố định: - 14,3 tỷ đồng.

+ Tài sản dở dang dài hạn: tăng 86,1 tỷ đồng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang nhà máy mới phát sinh thêm.

+ Đầu tư tài chính dài hạn: tăng 32,4 tỷ đồng, bao gồm:

Tăng 17,96 tỷ đồng: hạch toán tăng khoản mục đầu tư góp vốn vào đơn vị khác thuộc đầu tư tài chính dài hạn do chuyển số tiền đầu tư vào Công ty TNHH MTV Bất động sản Areco đang hạch toán ở khoản mục đầu tư chứng khoán ngắn hạn sang.

Tăng 15,4 tỷ đồng: do hạch toán lợi nhuận từ Công ty liên kết là Bệnh viện Đa khoa An Sinh (Khi trình bày Báo cáo hợp nhất thì khoản đầu tư vào Công liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu).

Giảm 1 tỷ đồng do thoái vốn tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Mekong.

+ Tài sản dài hạn khác: giảm 91,2 triệu đồng.

Bảng 02: Tình hình tài sản 31/12/2016

Đơn vị tính: ngàn đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2015		31/12/2016		Tăng giảm
	Giá trị	%	Giá trị	%	
TỔNG TÀI SẢN	891.403.325	100,00%	1.149.653.948	100,00%	258.250.623
I. Tài sản ngắn hạn	778.516.394	87,34%	923.454.145	80,32%	144.937.751
1. Tiền	92.788.492	10,41%	230.410.065	20,32%	137.621.573
2. Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	317.424.461	35,61%	170.946.711	15,07%	-146.477.750
3. Các khoản phải thu	133.961.760	15,03%	300.907.917	26,53%	166.946.157
4. Hàng tồn kho	231.150.023	25,93%	209.547.773	18,48%	-21.602.250
5. Tài sản ngắn hạn khác	3.191.658	0,36%	11.641.679	1,03%	8.450.021
II. Tài sản dài hạn	112.886.931	12,66%	226.199.803	19,68%	113.312.872
1. Các khoản phải thu DH		0,00%		0,00%	0

2. Tài sản cố định	75.777.528	8,50%	70.598.001	6,22%	-5.179.527
3. Bất động sản đầu tư					
4. Tài sản dở dang dài hạn	11.958.110	1,34%	98.111.567	8,65%	86.153.457
5. Đầu tư tài chính dài hạn	25.060.000	2,81%	57.490.235	5,00%	32.430.235
6. Tài sản dài hạn khác	91.292	0,01%	0	0,00%	-91.292

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2016

b. Tình hình nguồn vốn cuối kỳ

So với đầu năm tổng nguồn vốn cuối kỳ tăng 258,2 tỷ đồng, sự biến động tăng nguồn vốn trong kỳ chủ yếu do các nhân tố sau đây:

- Nợ phải trả giảm 24,2 tỷ đồng, trong đó:
 - + Nợ ngắn hạn: giảm 39 tỷ đồng.
 - + Nợ dài hạn: tăng 14,8 tỷ đồng, do tăng doanh thu chưa thực hiện của Mekostem
- Nguồn vốn chủ sở hữu tăng 282,4 tỷ đồng, trong đó:
 - + Vốn chủ sở hữu: tăng 282,4 tỷ đồng.

Trong kỳ Công ty đã thực hiện phát hành thêm cổ phiếu cho Cán bộ chủ chốt và Đối tác chiến lược làm vốn chủ sở hữu tăng 181,9 tỷ đồng.

Và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 là 100,5 tỷ đồng.

 - + Nguồn kinh phí và quỹ khác: tăng 0 đồng.

Bảng 03: Tình hình nguồn vốn 31/12/2016

Đơn vị tính: ngàn đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2015		31/12/2016		Tăng giảm
	Giá trị	%	Giá trị	%	
TỔNG NGUỒN VỐN	891.403.325	100,00%	1.149.653.948	100,00%	258.250.623
I. Nợ phải trả	194.888.628	21,86%	170.720.778	14,85%	-24.167.850
1. Nợ ngắn hạn	141.359.880	15,86%	102.348.101	9,02%	-39.011.779
2. Nợ dài hạn	53.528.748	6,00%	68.372.677	6,03%	14.843.929
II. Nguồn vốn chủ sở hữu	696.514.697	78,14%	978.933.170	85,15%	282.418.473
1. Vốn chủ sở hữu	696.386.777	78,12%	978.805.249	85,14%	282.418.473
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	127.920	0,01%	127.920	0,01%	0

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2016

c. Tình hình đầu tư tại doanh nghiệp

- Đầu tư tài sản cố định:

Trong kỳ công ty đầu tư tăng tài sản cố định 9 tỷ đồng, trong đó:

 - Đầu tư máy móc thiết bị: 8,1 tỷ đồng.
 - Tài sản cố định khác: 0,9 tỷ đồng.

Bảng 04: Tình hình tài sản cố định 31/12/2016

Đơn vị tính: ngàn đồng

TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	Giá trị 31/12/2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị 31/12/2016
Tài sản cố định	75.777.528			70.598.001
1. Tài sản cố định hữu hình	68.273.786			63.159.849
+ Nguyên giá	230.809.464	9.095.608	1.066.598	238.838.472
+ Hao mòn TSCĐ hữu hình	-162.535.677	-14.209.544	-1.066.598	-175.678.623
2. Tài sản cố định vô hình	7.503.742			7.438.152
+ Nguyên giá	10.066.451	0	0	10.066.451
+ Hao mòn TSCĐ hữu hình	-2.562.709	-65.590	0	-2.628.299

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2016

- Tài sản dở dang dài hạn:

Hiện nay, Mekophar đang triển khai đầu tư phần mềm kế toán mới, và dự án “Đầu tư nghiên cứu và phát triển sản xuất Sinh - Dược phẩm Mekophar” nên khoản mục tài sản dở dang dài hạn chủ yếu là chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho 02 dự án đầu tư này, chi tiết như sau:

- Phần mềm kế toán mới: 2,7 tỷ đồng.
- Dự án nhà máy mới (chi phí thi công xây dựng nhà máy): 95,4 tỷ đồng.

Bảng 05: Tình hình tài sản dở dang dài hạn 31/12/2016

Đơn vị tính: ngàn đồng

TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN DÀI HẠN DỞ DANG	Giá trị 31/12/2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị 31/12/2016
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11.958.110	86.153.457	0	98.111.567

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2016

- Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: Trong kỳ, Công ty đã:
 - Chi đầu tư thêm 1,48 tỷ đồng để thực hiện quyền mua 148.275 cổ phiếu phát hành thêm tại Công ty Cổ phần Bao bì dược.
 - Bán hết khoản vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Mekong với số tiền là 1 tỷ đồng để thu hồi vốn.
 - Chuyển thêm 350 tỷ đồng cho Công ty TNHH Mekophar để tăng vốn góp lên 400 tỷ đồng triển khai dự án.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, và khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Bệnh Viện An Sinh vẫn duy trì mức tỷ suất lợi nhuận trên vốn khá tốt. Năm 2016, cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư này là 5,3 tỷ đồng.

Bảng 06: Tình hình đầu tư ra ngoài 31/12/2016

Đơn vị tính: ngàn đồng

GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ RA NGOÀI	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn			10.946.711
- CTCP DPTƯ Vidipha	180.000		4.070.000
- CTCP Bao bì Dược	477.775		6.635.250
- CTCP Dược phẩm OPC	19.181		241.461
2. Đầu tư vào công ty con			400.000.000
- Công ty TNHH Mekophar		100%	400.000.000
3. Đầu tư liên doanh, liên kết			18.510.000
- Bệnh viện An Sinh (*)		22%	18.510.000
4. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			23.510.500
- CT TNHH MTV BĐS Areco		5%	17.960.500
- Công ty TNHH Orchids		15%	5.550.000
Tổng cộng			452.967.211

Nguồn: Báo cáo kiểm toán công ty mẹ 2016

(*) Khoản đầu tư liên kết vào Bệnh viện An Sinh:

- Giá trị gốc khoản đầu tư: 18.510.000.000 đồng.
- Giá trị vốn chủ sở hữu khoản đầu tư: 33.979.735.000 đồng, tăng 15.469.735.000 đồng so với giá trị đầu tư ban đầu.

d. Tình hình doanh thu, chi phí

4.1. Doanh thu:

Năm 2016, doanh thu thành phẩm và bán hàng hóa vẫn chiếm tỷ trọng khoảng 95% doanh thu thuần, còn lại là doanh thu dịch vụ ngân hàng tế bào gốc, doanh thu bán vật tư và cho thuê mặt bằng. So với năm 2015, các mảng doanh thu chính của Mekophar đều có sự tăng trưởng, đặc biệt là doanh thu bán hàng hóa và doanh thu dịch vụ ngân hàng tế bào gốc tăng lần lượt là 40,46% và 29,08%.

Bảng 07: Cơ cấu doanh thu năm 2016

Đơn vị tính: ngàn đồng

Doanh thu thuần	2015		2016		2016/2015
Thành phẩm	635.169.547	59,01%	648.502.175	51,40%	102,10%
Dịch vụ NH tế bào gốc	42.820.297	3,98%	55.272.689	4,38%	129,08%
Bán hàng hóa	387.653.233	36,01%	544.500.667	43,15%	140,46%
Bán vật tư	7.400.523	0,69%	10.177.199	0,81%	137,52%
Cho thuê mặt bằng	3.328.182	0,31%	3.287.273	0,26%	98,77%
Tổng cộng	1.076.371.782	100,00%	1.261.740.003	100,00%	117,22%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2016

4.2. Chi phí:

Nhìn chung các khoản mục chi phí của Công ty năm 2016 không có sự biến động nhiều so với cùng kỳ năm 2015, với mức tổng chi phí trên doanh thu thuần khoảng 90%. Trong đó, Giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng khoảng 78%, còn lại là chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, và chi phí tài chính. Năm 2016, do có sự gia tăng tỷ trọng doanh thu bán hàng hóa trong doanh thu thuần nên giá vốn hàng bán cũng có sự tăng trưởng nhẹ.

Bảng 08: Tình hình chi phí năm 2016

Đơn vị tính: phần trăm Doanh thu thuần

Chỉ tiêu	2014	2015	2016
Giá vốn hàng bán	78,57%	77,75%	78,84%
Chi phí bán hàng	5,87%	5,56%	5,05%
Chi phí quản lý DN	6,09%	6,72%	7,59%
Chi phí tài chính	1,06%	-0,07%	0,05%
Tổng cộng	91,59%	89,96%	91,53%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2016

e. Các chỉ tiêu tài chính

Khả năng thanh toán của doanh nghiệp rất tốt với hệ số >1.

Công ty không vay nợ nên cơ cấu vốn khá an toàn, rủi ro về tài chính là rất thấp.

Các chỉ tiêu về hoạt động, và các chỉ tiêu về khả năng sinh lời vẫn được duy trì khá tốt.

Bảng 09: Các chỉ tiêu tài chính 31/12/2016 (Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2016)

Chỉ tiêu	2015	2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	5,51	9,02	lần
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	3,87	6,98	lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản:	0,22	0,15	lần
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu:	0,28	0,17	lần
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay tổng tài sản	1,21	1,11	vòng
- Vòng quay tài sản cố định	14,20	17,87	vòng
- Vòng quay vốn lưu động	1,38	1,37	vòng
- Vòng quay các khoản phải thu	8,03	4,19	vòng
- Vòng quay các khoản phải trả	7,61	12,33	vòng
- Vòng quay hàng tồn kho: GVHB/Hàng tồn kho bình quân	3,47	4,51	vòng

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
- Hệ số LNST/Doanh thu thuần	9,36	9,48	%
- Hệ số LNST/Tổng tài sản	11,30	10,41	%
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	14,46	12,22	%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	11,68	11,99	%
5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần (Mệnh giá:10.000đ/CP)			
- Thu nhập trên mỗi cổ phần (LNST/ Số cp lưu hành bình quân)	6.166	7.458	đồng
- Giá trị sổ sách một cổ phần	46.403	50.742	đồng

3 KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 phiên họp và ban hành 10 Nghị quyết, quyết định để chỉ đạo tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm phù hợp với quy định pháp luật và công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật và Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức thực hiện đúng, đầy đủ chủ trương quyết định của Hội đồng quản trị, đồng thời tuân thủ Pháp luật, Điều lệ, các Quy chế quản trị trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban, bộ phận chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như trong việc thu thập thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

Trong kỳ Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư yêu cầu hay khiếu nại nào từ cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát cũng thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty, đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định.

5 NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Năm 2016, mặc dù tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn còn không ít khó khăn, Công ty vẫn đạt được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khá tốt, với chỉ tiêu doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế đều vượt so với kế hoạch đề ra, lần lượt là 14,7%, và 38,5%.

Qua xem xét, đánh giá, và giám sát tình hình hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát xin có một số nội dung kiến nghị như sau:

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cần xem xét và có giải pháp gia tăng tỷ trọng các mảng doanh thu mang lại mức lợi nhuận gộp cao như doanh thu hàng sản xuất, và doanh thu dịch vụ ngân hàng tế bào gốc, giảm tỷ trọng doanh thu bán hàng hóa.
- Tập trung chỉ đạo và khẩn trương đưa dự án nhà máy mới vào hoạt động đúng tiến độ, đồng thời có giải pháp tìm kiếm thị trường phù hợp để hỗ trợ đầu ra khi dự án nhà máy mới chính thức đi vào sản xuất.
- Nhanh chóng đưa phần mềm kế toán mới vào sử dụng. Xem xét đầu tư ERP (phần mềm quản lý tổng thể doanh nghiệp) để hỗ trợ công tác quản trị, điều hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" đến các dữ liệu tương ứng, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Xem Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2016 tại Phụ lục đính kèm.

- Phụ lục 1: Bảng cân đối kế toán.
- Phụ lục 2: Báo cáo kết quả kinh doanh.
- Phụ lục 3: Lưu chuyển tiền tệ, đã được kiểm toán.
- Phụ lục 4: Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Tp.HCM, ngày 27 tháng 04 năm 2017

Xác nhận của đại diện
theo pháp luật của Công ty



TỔNG GIÁM ĐỐC
DS. Huỳnh Thị Lan

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		614.428.674.433	738.077.736.636
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	67.807.463.071	53.536.298.144
1.	Tiền	111		47.807.463.071	18.536.298.144
2.	Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	35.000.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	170.946.711.100	317.424.461.100
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		10.946.711.100	27.424.461.100
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		160.000.000.000	290.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		164.089.227.291	133.728.010.636
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	150.269.075.026	118.354.620.952
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	12.595.811.761	14.067.848.622
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.224.340.504	1.305.541.062
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.6	209.547.773.156	231.150.022.695
1.	Hàng tồn kho	141		209.547.773.156	231.150.022.695
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.037.499.815	2.238.944.061
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	1.270.846.572	-
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152			1.295.770.850
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	766.653.243	943.173.211
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		515.184.728.405	152.874.030.613
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		70.478.751.405	75.777.528.245
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	63.040.599.405	68.273.786.245
	- Nguyên giá	222		238.719.222.817	230.809.463.513
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(175.678.623.412)	(162.535.677.268)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	7.438.152.000	7.503.742.000
	- Nguyên giá	228		10.066.451.139	10.066.451.139
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.628.299.139)	(2.562.709.139)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	2.685.477.000	2.433.227.000
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.685.477.000	2.433.227.000
V.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	442.020.500.000	74.571.982.897
1.	Đầu tư vào công ty con	251		400.000.000.000	50.000.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		18.510.000.000	19.510.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		23.510.500.000	5.550.000.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(488.017.103)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		-	91.292.471
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	-	91.292.471
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.129.613.402.838	890.951.767.249

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		166.220.129.018	194.437.070.384
I.	Nợ ngắn hạn	310		97.847.452.152	140.908.322.262
1.	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	40.544.072.793	43.001.394.358
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	9.276.664.445	15.140.973.587
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4.134.654.157	1.861.261.914
4.	Phải trả người lao động	314		13.980.991.904	11.402.995.483
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	7.482.078.739	38.651.803.234
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		22.428.990.114	30.849.893.686
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		68.372.676.866	53.528.748.122
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.14	38.372.676.866	23.528.748.122
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.16	30.000.000.000	30.000.000.000
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		963.393.273.820	696.514.696.865
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	963.265.353.530	696.386.776.575
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		194.208.130.000	151.234.130.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		194.208.130.000	151.234.130.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		295.058.504.458	156.129.704.458
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		(14.487.151.158)	(14.487.151.158)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		403.510.093.275	403.510.093.275
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		84.975.776.955	-
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		84.975.776.955	-
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		127.920.290	127.920.290
1.	Nguồn kinh phí	431	V.18	127.920.290	127.920.290
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.129.613.402.838	890.951.767.249

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.261.965.135.821	1.077.481.919.420
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	225.132.880	1.110.136.740
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.261.740.002.941	1.076.371.782.680
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.4	994.701.735.568	836.911.501.754
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		267.038.267.373	239.460.280.926
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	26.299.397.610	17.601.031.400
7.	Chi phí tài chính	22	VI.6	618.594.021	(756.365.262)
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.7	63.771.322.173	59.800.013.055
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	93.248.142.893	72.297.382.635
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		135.699.605.896	125.720.281.898
11.	Thu nhập khác	31	VI.8	1.265.706.056	9.662.354.477
12.	Chi phí khác	32	VI.9	120.325.784	393.613.335
13.	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.145.380.272	9.268.741.142
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		136.844.986.168	134.989.023.040
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	32.726.042.213	34.283.955.566
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		104.118.493.955	100.705.067.474

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		136.844.986.168	34.989.023.040
2.	Điều chỉnh cho các khoản :				
	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8 &9	14.275.134.467	15.023.295.300
	- Các khoản dự phòng	03		(488.017.103)	(4.939.982.897)
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(569.484.688)	(121.217.147)
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(25.410.832.780)	(22.132.863.963)
	- Chi phí lãi vay	06			-
	- Các khoản điều chỉnh khác	07			-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		124.651.786064	122.818.254.333
	- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(27.968.860.806)	(22.046.911.948)
	- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		21.602.249.539	(17.741.081.695)
	- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		9.919.827.573	15.707.147.349
	- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(1.179.554.101)	1.569.726.074
	- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		(1.482.750.000)	(308.360.000)
	- Tiền lãi vay đã trả	14			-
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(31.260.319.523)	(39.371.598.836)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			-
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(10.261.903.572)	(13.181.615.030)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		84.020.475.174	47.445.560.247
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	V.11	(9.228.607.627)	(1.133.318.118)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	VI.9	18.454.543	29.486.372.671
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(125.550.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		130.000.000.000	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(350.000.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.000.000.000	7.042.929.833
7.	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi	27	VI.5	25.392.378.237	16.387.604.721

	nhuận được chia				
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(202.817.774.847)	(73.766.410.893)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	V.17	181.902.800.000	61.923.000.000
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3.	Tiền thu từ đi vay	33			-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34			-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(48.834.701.000)	(33.114.417.500)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		133.068.099.000	28.808.582.500
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		14.270.799.327	2.487.731.854
	Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ	60		53.536.298.144	51.046.799.758
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		365.600	1.766.532
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	67.807.463.071	53.536.298.144

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I.ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.Thành lập:

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0302533156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 02 năm 2002, Số ĐKKD: 4103000833 (Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 21 tháng 10 năm 2005, lần thứ 2 ngày 14 tháng 04 năm 2006, lần thứ 3 ngày 19 tháng 12 năm 2006, lần thứ 4 ngày 11 tháng 7 năm 2008, lần thứ 5 ngày 15 tháng 9 năm 2008, lần thứ 6 ngày 17 tháng 10 năm 2009, lần thứ 7 ngày 30 tháng 9 năm 2010, lần thứ 8 ngày 02 tháng 12 năm 2010, lần thứ 9 ngày 23 tháng 11 năm 2011, lần thứ 10 ngày 01 tháng 12 năm 2011, lần thứ 11 ngày 08 tháng 08 năm 2012, thay đổi lần thứ 12 ngày 15 tháng 12 năm 2012, thay đổi lần thứ 13 ngày 16 tháng 04 năm 2013, thay đổi lần thứ 14 ngày 14 tháng 08 năm 2014, thay đổi lần thứ 15 ngày 06 tháng 06 năm 2016, thay đổi lần thứ 16 ngày 29 tháng 08 năm 2016 vốn, thay đổi lần thứ 17 ngày 27 tháng 10 năm 2016 vốn điều lệ 194.208.130.000 đồng. (vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2016: 194.208.130.000 đồng).

- Tên tiếng anh: Mekophar Chemical Pharmaceutical Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Mekophar
- Trụ sở chính: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, Tp.HCM.

Công ty có các chi nhánh như sau:

- Chi nhánh tại Hà Nội: 95 Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
- Chi nhánh tại Nghệ An: 11A4 Đặng Thái Thân, P.Cửa Nam, Tp.Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: 410 Nguyễn Tri Phương, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- Chi nhánh tại Cần Thơ: 17A Cách Mạng Tháng Tám, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

1.Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

2.Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại.

3.Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty: Sản xuất thuốc. Bán buôn thuốc. Bán buôn nước hoa. Hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. Bán buôn dụng cụ y tế. Dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc. Bán lẻ thuốc. Sản xuất bao bì dùng trong ngành dược (chai nhựa, hộp giấy, thùng carton). Sản xuất hàng thực phẩm công nghệ (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống). Bán buôn thực phẩm chức năng; thực phẩm công nghệ chế biến. Sản xuất mỹ phẩm (không sản xuất hóa chất cơ bản, xà phòng, chất tẩy rửa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản; dịch vụ cho thuê cao ốc, văn phòng; cho thuê căn hộ. Bán buôn hàng may mặc. Sản xuất nước tinh khiết đóng chai. Bán buôn đồ uống. Bán buôn máy móc, thiết bị y tế. Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp). Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh. Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn kế toán, tài chính, pháp lý). Tư vấn chuyển giao công nghệ. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2016: 780 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2015: 798 nhân viên)

7. Cấu trúc doanh nghiệp

7.1. Danh sách các công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Mekophar Trụ sở: LôI-9-5, Đường D2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm sinh học, thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, ...và hoạt động ngân hàng tế bào gốc	100%	100%	100%

7.2. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có một (01) công ty liên kết như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH bệnh viện TN Đa khoa An Sinh 10 Trần Huy Liệu, Phường 12, Phú Nhuận, TP. HCM	Khám chữa bệnh	22%	22%	22%

7.3. Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên Chi nhánh/Cửa hàng và địa chỉ:

Chi nhánh tại Hà Nội: 95 Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại Nghệ An: 11A4 Đặng Thái Thân, P. Cửa Nam, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An

Chi nhánh tại Đà Nẵng: 410 Nguyễn Tri Phương, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Chi nhánh tại Cần Thơ: 17A Cách Mạng Tháng Tám, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Vietcombank. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2016: 22.700 VND/USD; 23.847 VND/EUR.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Vietcombank. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 31/12/2016: 22.790 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc

ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm/kỳ và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

- + Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- + Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính/mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất thực hiện.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng

giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình hình thành từ việc trao đổi thanh toán bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của đơn vị, nguyên giá tài sản cố định vô hình là giá trị hợp lý của các chứng từ được phát hành liên quan đến quyền sở hữu vốn.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>5 - 25 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>3 - 12 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>5 - 8 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>4 - 10 năm</i>
<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>25 năm</i>
<i>Bản quyền sử dụng tế bào gốc</i>	<i>3 năm</i>

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả của Công ty là khoản Ban Tổng Giám đốc dự phòng để chi cho các công trình nghiên cứu khoa học. Giá trị dự phòng tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh từng năm của Công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi và vốn khác.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

12. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận theo nguyên tắc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái)

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự

phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của công ty là: 20%

17. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

18. Công cụ tài chính:

Ghi nhận ban đầu:

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính

được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ phải trả.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nêu, và chỉ nêu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

20. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2016	01/01/2016
Tiền	47.807.463.071	18.536.298.144
Tiền mặt	5.728.566.121	2.277.881.214
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42.078.896.950	16.258.416.930
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	35.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	20.000.000.000	35.000.000.000
Cộng	67.807.463.071.144	53.536.298.144

2. Các khoản đầu tư tài chính (phụ lục kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	150.269.075.026	-	118.354.620.952	-
Khách hàng trong nước	103.701.789.371	-	86.704.614.544	-
Khách hàng nước ngoài	46.567.180.655	-	31.650.006.408	-
Cộng	150.269.075.026	-	118.354.620.952	-
b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
- Công ty TNHH bệnh viện TN Đa khoa An Sinh	625.569.478	-	687.657.625	-
Cộng	625.569.478	-	687.657.625	-

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	12.595.811.761	-	14.067.848.622	-
Nhà cung cấp trong nước	9.374.724.461	-	12.893.430.622	-
Chi nhánh Zuellig Pharma Vietnam	7.607.037.034	-	9.982.325.971	-
Công ty TNHH Tam Long		-	1.230.000.000	-
Khách hàng khác	1.767.686.427	-	1.681.104.651	-
Nhà cung cấp nước ngoài	3.221.087.300	-	1.174.418.000	-
Công ty Amoli Enterprises Ltd		-	265.736.000	-
Công ty Rudolf Lietz		-	145.254.000	-
Công ty Kyungdong Pharm.Co. Ltd	818.820.000	-	756.672.000	-
Công ty Khs Synchemmica Corp	1.835.100.200	-		-
Khách hàng khác	567.167.100	-	6.756.000	-
Cộng	12.595.800.761	-	14.067.848.622	-

5. Phải thu khác

Ngắn hạn	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	1.224.340.504	-	1.305.541.062	-
Tạm ứng	29.108.305		168.114.153	
Phải thu khác	1.195.232.199		1.137.426.909	
<i>BH Y tế, BH xã hội, kinh phí công đoàn</i>	829.271.199		1.105.926.909	
<i>Thù lao cho các TV HĐQT không tham gia điều hành</i>	330.000.000			
<i>Thu khác</i>	35.961.000		31.500.000	
Cộng	1.224.340.504	-	1.305.541.062	-

6. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	133.722.533.959	-	31.888.773.307	-
Công cụ, dụng cụ	1.839.884.708	-	1.025.423.501	-
Chi phí SX, KD dở dang	18.428.015.539	-	18.689.294.701	-
Thành phẩm	55.346.644.104	-	79.456.638.018	-
Hàng hoá	210.694.846	-	89.893.168	-
Cộng	209.547.773.156	-	31.150.022.695	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.
- Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất;
 - + Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Đối với quy trình kiểm tra hàng tồn kho mặt hàng liên quan đến thuốc công ty quản lý theo thời hạn sử dụng. Nếu những mặt hàng tồn kho đã hết hạn sử dụng công ty sẽ thực hiện huỷ theo tiêu chuẩn của Bộ Y Tế. Do đó không có hàng tồn kho hư hỏng, lỗi thời, mất phẩm chất nên công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.

7. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xây dựng cơ bản dở dang	2.685.477.000	-	2.433.227.000	-
Chi phí phần mềm kế toán dở dang	2.685.477.000	-	2.433.227.000	-
Cộng	2.685.477.000	-	2.433.227.000	-

(*) Lý do không hoàn thành trong một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Đơn vị đang thực hiện triển khai hoàn thành xây dựng phần mềm kế toán sử dụng cho công ty nhưng đến thời điểm 31/12/2016 chưa hoàn thành.

8. Tài sản cố định hữu hình (Phụ lục kèm theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.438.152.000	2.628.299.139	10.066.451.139
Số dư cuối năm	7.438.152.000	2.628.299.139	10.066.451.139
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	2.562.709.139	2.562.709.139
<i>Khấu hao trong năm</i>	-	65.590.000	65.590.000
Số dư cuối năm	-	2.628.299.139	2.628.299.139
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	7.438.152.000	65.590.000	7.503.742.000
Số dư cuối năm	7.438.152.000	-	7.438.152.000

- Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: Không có
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.628.299.139VND
- Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có
- Các thay đổi khác về Tài sản cố định vô hình: Không có.
- Thuyết minh số liệu và các giải trình khác: Không có.

10. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.270.846.572	-
<i>Chi phí tư vấn dự án inh Dương Vương</i>	90.000.000	-
<i>Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ</i>	1.180.846.572	-
Chi phí trả trước dài hạn	-	91.292.471
<i>Chi phí xây dựng cửa hàng Q11</i>	-	102.000.000
<i>Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ</i>	-	1.559.018.545

11. Phải trả người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	40.544.072.793	40.544.072.793	43.001.394.358	43.001.394.358
Nhà cung cấp trong nước	36.737.737.587	36.737.737.587	36.337.207.047	36.337.207.047
<i>Công ty CP Dược Liệu TW2(PHYTO)</i>	19.355.784.729	19.355.784.729	16.680.327.863	16.680.327.863
<i>Công ty TNHH TM Dược Phẩm Sang</i>	2.749.902.137	2.749.902.137	4.339.316.061	4.339.316.061
<i>Công ty TNHH TM –SX BB Lê Hoàng</i>	1.682.412.600	1.682.412.600	1.163.078.400	1.163.078.400
<i>Nhà cung cấp khác</i>	12.949.638.121	12.949.638.121	14.154.484.723	14.154.484.723
Nhà cung cấp nước ngoài	3.806.335.206	3.806.335.206	6.664.187.311	6.664.187.311
<i>Công ty Aceto Pte.Ltd</i>	112.240.750	112.240.750	1.199.190.000	1.199.190.000
<i>Công ty Apc Pharma & Chemical</i>	1.175.243.836	1.175.243.836	1.047.180.000	1.047.180.000
<i>Công ty Khs Synchemical Corp</i>	227.900.000	227.900.000	918.816.000	918.816.000
<i>Công ty Lando Pharmaceutial Pte</i>	-	-	1.263.666.111	1.263.666.111
<i>Công ty Shine Resources Ltd</i>	-	-	899.899.200	899.899.200
<i>Công ty Roquette Freres</i>	417.384.720	417.384.720	-	-
<i>Công ty Ishan International PVT</i>	623.534.400	623.534.400	-	-
<i>Công ty Meyer Pharmaceuticals.,Ltd</i>	802.208.000	802.208.000	396.352.000	396.352.000
<i>Nhà cung cấp khác</i>	447.823.500	447.823.500	939.084.000	939.084.000
Cộng	40.544.072.793	40.544.072.793	43.001.394.358	43.001.394.358

12. Người mua trả tiền trước

	31/12/2016	01/01/2016
	Giá trị	Giá trị
a. Ngắn hạn	9.276.664.445	15.140.973.587
Khách hàng trong nước	9.148.136.818	14.706.806.078
<i>Ngân hàng tế bào gốc</i>	8.192.150.903	14.121.864.165
<i>Khách hàng khác</i>	955.985.915	584.941.913
Khách hàng nước ngoài	128.527.627	434.167.510
<i>Công ty KKC Corporation</i>	-	432.326.385
<i>Khách hàng khác</i>	128.527.627	1.841.125
Cộng	9.276.664.445	15.140.973.587

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
a. Phải nộp				
Thuế GTGT phải nộp	-	59.157.940.110	58.158.849.893	999.090.217
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	214.361.840	11.789.874.527	11.660.035.050	84.522.363
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.621.601.887	32.726.042.213	31.260.319.523	3.051.041.577
Thuế thu nhập cá nhân	25.298.187	4.853.670.438	4.915.251.625	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	18.541.960.368	18.541.960.368	-
Các loại thuế khác	-	296.654.368	296.654.368	-
Cộng	1.861.261.914	127.366.142.626	124.833.071.429	4.134.654.157
b. Phải thu				
Thuế GTGT Hàng nhập khẩu nộp thừa	214.361.840	11.789.874.527	11.660.35.050	84.522.363
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.282.507.196	1.294.048.639	11.541.443
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa Nhà nước	-	-	56.672.405	56.672.405
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	728.811.371	434.315.203	319.420.864	613.917.032
Cộng	943.173.211	13.506.696.926	13.330.176.958	766.653.243

14. Doanh thu chưa thực hiện

Dài hạn	31/12/2016	01/01/2016
Doanh thu chưa thực hiện của Mekostem	36.002.294.360	23.528.748.122
Doanh thu chưa thực hiện của Thành Phẩm	2.370.382.506	-
Cộng	38.372.676.866	23.528.748.122

15. Phải trả khác

a. Ngắn hạn	31/12/2016	01/01/2016
BH Y tế, BH xã hội, kinh phí công đoàn, đảng phí	143.389.092	96.563.785
Kinh phí đề tài Mekostem	177.595.069	177.595.069
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	29.691.534.000
Hội đồng quản trị	46.000.000	1.557.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.115.094.578	7.129.110.380
Cộng	7.482.078.739	38.651.803.234

16. Dự phòng phải trả:

b. Dài hạn	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng các dự án nghiên cứu	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000

17. Vốn chủ sở hữu:

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: (Phụ lục đính kèm)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2016	01/01/2016
Vốn góp của Nhà nước	18,17%	35.283.600.000	35.283.600.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	81,83%	158.924.530.000	115.950.530.000
Thặng dư vốn cổ phần		295.058.504.458	156.129.704.458
Cổ phiếu quỹ		(14.487.151.158)	(14.487.151.158)
Cộng	100,00%	474.779.483.300	292.876.683.300

- Số lượng cổ phiếu quỹ là: 277.646 cổ phiếu tương đương giá trị là: 14.487.151.158 VNĐ

c. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	194.208.130.000	151.234.130.000
Vốn góp đầu năm	151.234.130.000	131.234.130.000
Vốn góp tăng trong năm	42.974.000.000	20.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	194.208.130.000	151.234.130.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	19.143.167.000	37.114.417.500

d. Cổ tức

	Năm 2016	Năm 2015
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường	Chưa công bố	30%
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa ghi nhận	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.420.813	15.123.413
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.420.813	15.123.413
Cổ phiếu phổ thông	19.420.813	15.123.413
Số lượng cổ phiếu được mua lại	277.646	277.646
Cổ phiếu phổ thông	277.646	277.646
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.143.167	14.845.767
Cổ phiếu phổ thông	19.143.167	14.845.767
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2016	01/01/2016
Quỹ đầu tư phát triển	403.510.093.275	403.510.093.275
Cộng	403.510.093.275	403.510.093.275

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp: Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

f. Báo cáo tình hình sử dụng vốn : (Phụ lục đính kèm)

18. Nguồn kinh phí

	Năm 2016	Năm 2015
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	127.920.290	127.920.290
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	127.920.290	127.920.290

	01/01/2016	Chi sự nghiệp trong năm	Nguồn chi sự nghiệp trong năm	31/12/2016
a. Chi sự nghiệp	304.079.710	-	-	304.079.710
b. Nguồn kinh phí chi sự nghiệp	432.000.000	-	-	432.000.000

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại	31/12/2016		01/01/2016	
	Số lượng	Giá trị (VNĐ quy đổi)	Số lượng	Giá trị (VNĐ quy đổi)
USD	27.063,39	614.338.953	27.819,46	624.546.878
EUR	405,91	9.679.736	416,83	10.192.327
Cộng		624.018.689		634.739.205

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
a. Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	648.721.660.418	636.277.311.491
Doanh thu bán hàng hóa	544.506.314.628	387.655.605.712
Doanh thu dịch vụ ngân hàng tể bào gốc	55.272.688.800	42.820.296.899
Doanh thu bán vật tư	10.177.199.247	7.400.523.500
Doanh thu cho thuê mặt bằng	3.287.272.728	3.328.181.818
Cộng	1.261.965.135.821	1.146.218.667.334
b. Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty TNHH bệnh viện TN Đa khoa An Sinh	5.414.738.608	3.036.873.223
Cộng	5.414.738.608	3.036.873.223

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2016	Năm 2015
Hàng bán bị trả lại	225.132.880	1.110.136.740
Cộng	225.132.880	1.110.136.740

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu bán thành phẩm	648.502.175.157	635.169.547.380
Doanh thu bán hàng hóa	544.500.667.009	387.653.233.083
Doanh thu dịch vụ ngân hàng tế bào gốc	55.272.688.800	42.820.296.899
Doanh thu bán vật tư	10.177.199.247	7.400.523.500
Doanh thu cho thuê mặt bằng	3.287.272.728	3.328.181.818
Cộng	1.261.740.002.941	1.076.371.782.680

4. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn của thành phẩm đã bán	437.559.432.974	437.500.497.768
Giá vốn của hàng hóa đã bán	540.330.306.974	384.975.806.031
Giá vốn dịch vụ ngân hàng tế bào gốc	10.064.368.359	8.632.581.022
Giá vốn của vật tư, dịch vụ đã cung cấp	6.747.627.261	5.802.616.933
Cộng	994.701.735.568	836.911.501.754

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.003.738.237	11.764.925.367
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.388.640.000	4.622.679.354
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	337.534.685	1.092.209.532
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	569.484.688	121.217.147
Cộng	26.299.397.610	17.601.031.400

6. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.106.611.124	1.126.547.468
Lỗ bán các khoản đầu tư	-	3.057.070.167
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	488.017.103
Hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư vào Công ty con	(488.017.103)	(5.428.000.000)
Cộng	618.594.021	(756.365.262)

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016	Năm 2015
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	24.607.793.704	22.707.903.904
Chi phí khấu hao TSCĐ	609.928.228	803.361.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.231.551.848	11.834.091.649
Chi phí hoa hồng	17.044.196.481	18.252.124.112
Chi phí vận chuyển	4.597.111.548	5.504.421.190
Chi phí bằng tiền khác	680.740.364	698.110.864
Cộng	63.771.322.173	59.800.013.055
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	35.755.789.736	30.818.712.112
Chi phí vật liệu, bao bì	7.492.935.904	5.879.213.704
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.417.795.770	4.606.208.943
Thuế, phí, lệ phí	19.247.731.070	7.205.561.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.792.691.084	2.919.115.141
Chi phí bằng tiền khác	24.541.199.329	20.868.570.875
Cộng	93.248.142.893	72.297.382.635

8. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ (*)	18.454.543	8.802.329.409
Các khoản khác (Xử lý kiểm kê thừa)	1.245.885.988	835.832.479
Chênh lệch đánh giá lại quyền sử dụng đất	1.365.525	24.192.589
Cộng	1.265.706.056	9.662.354.477

9. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
Các khoản khác (Xử lý kiểm kê thiếu)	120.325.784	112.637.736
Ứng trước người bán không thể thu hồi	-	280.975.599
Cộng	120.325.784	393.613.335

(*) Thuyết minh hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	Năm 2016	Năm 2015
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	18.454.543	29.486.372.671
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	20.684.043.262
Lãi/(lỗ) hoạt động thanh lý nhượng bán tài sản cố định	18.454.543	8.802.329.409

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	386.781.973.919	441.388.750.976
Chi phí nhân công	104.422.616.584	92.455.961.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.275.134.467	15.023.295.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.815.596.366	29.986.199.463
Chi phí khác bằng tiền	67.569.778.028	53.795.011.124
Cộng	605.865.099.364	632.649.218.262

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	136.844.986.168	134.989.023.040
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	23.410.221.719	17.871.052.924
Các khoản điều chỉnh tăng	29.389.292.350	28.071.092.762
+ Chi phí không hợp lệ	29.389.292.350	28.071.092.762
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.979.070.631)	(10.200.039.838)
+ Lãi cổ tức được chia	(5.388.640.000)	(4.622.179.354)
+ Hoàn nhập dự phòng Quỹ Tiger Fund	-	(5.428.000.000)
+ Lãi do chênh lệch tỷ giá tiền và nợ phải thu	(590.430.631)	(149.860.484)
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	160.255.207.887	152.860.075.964
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	160.255.207.887	152.860.075.964
4. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32.051.041.577	33.629.216.712
6. Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	675.000.636	654.738.854
7. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32.726.042.213	34.283.955.566

12. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

12.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Năm nay		
VNĐ	+100	2.387.541.742
VNĐ	-100	(2.387.541.742)
Năm trước		
VNĐ	+100	3.709.607.592
VNĐ	-100	(3.709.607.592)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền gửi ngân hàng của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của ngoại tệ được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

	<i>Thay đổi tỷ giá USD</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Năm nay	+ 1%	433.902.160
	-1%	(433.902.160)
Năm trước	+ 1%	256.310.806
	-1%	(256.310.806)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 10.946.711.100 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 27.424.461.100 đồng Việt Nam). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 1.094.671.110 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng 10% lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 1.094.671.110 đồng Việt Nam.

12.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

12.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	40.544.072.793			40.544.072.793
Cộng	40.544.072.793	-	-	40.544.072.793
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Phải trả người bán	43.001.394.358			43.001.394.358
Cộng	43.001.394.358	-	-	43.001.394.358

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn. Đồng thời công ty kiểm soát lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn thanh toán.

Tài sản đảm bảo: Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (phụ lục kèm theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm

2016 và 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

2. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Không có các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Nội dung	Giá trị
Công ty TNHH bệnh viện TN Đa khoa An sinh	Công ty liên kết	Bán hàng	Số dư đầu kỳ	687.657.625
			Bán hàng trong năm	5.848.760.993
			Thu tiền trong năm	5.910.849.140
			Số dư cuối kỳ	625.569.478

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		Năm 2016	Năm 2015
Hội đồng quản trị; Ban Tổng giám đốc và Ban điều hành công ty.	Lương, thưởng và thù lao	4.016.581.149	4.345.032.355
Cộng		4.016.581.149	4.345.032.355

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

4.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

a. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh niên độ 2016

Chỉ tiêu	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Thành phẩm	648.502.175.157	437.559.432.974	210.942.742.183
Hàng hóa	544.500.667.009	540.330.306.974	4.170.360.035
Dịch vụ ngân hàng tế bào gốc	55.272.688.800	10.064.368.359	45.208.320.441
Vật tư	10.177.199.247	6.747.627.261	3.429.571.986
Cho thuê mặt bằng	3.287.272.728	-	3.287.272.728
Cộng	1.261.740.002.941	994.701.735.568	267.038.267.373

b. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh niên độ 2015

Chỉ tiêu	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Thành phẩm	635.169.547.380	437.500.497.768	197.669.049.612
Hàng hóa	387.653.233.083	384.975.806.031	2.677.427.052
Dịch vụ ngân hàng tế bào gốc	42.820.296.899	8.632.581.022	34.187.715.877
Vật tư	7.400.523.500	5.802.616.933	1.597.906.567
Cho thuê mặt bằng	3.328.181.818	-	3.328.181.818
Cộng	1.076.371.782.680	836.911.501.754	239.460.280.926

4.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

6. Thông tin so sánh

Một số chỉ tiêu đầu kỳ trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày lại như sau:

Trên bảng thuyết minh Báo cáo tài chính

Chỉ tiêu	Số đã trình bày	Số trình bày lại	Chênh lệch
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.621.601.887	1.585.318.887	(36.283.000)
<u>Thuế thu nhập cá nhân</u>	<u>25.298.187</u>	<u>61.581.187</u>	<u>(36.283.000)</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a1. Tổng giá trị cổ phiếu	10.946.711.100	10.946.711.100	-	27.424.461.100	27.424.461.100	-
Công ty CP Dược Phẩm Trung Ương VIDIPHAR	4.070.000.000	4.070.000.000	-	4.070.000.000	4.070.000.000	-
Công ty CP Dược Phẩm OPC	241.461.100	241.461.100	-	241.461.100	241.461.100	-
Công ty TNHH MTV Bất Động Sản ARECO	-	-	-	17.960.500.000	17.960.500.000	-
Công ty CP Bao bì Dược	6.635.250.000	6.635.250.000	-	5.152.500.000	5.152.500.000	-
	10.946.711.100	10.946.711.100	-	27.424.461.100	27.424.461.100	-

a2. Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư

+ Cổ phiếu Công ty cổ phần Bao bì Dược : tăng do mua thêm 148.275 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 1.482.750.000 VND.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	160.000.000.000	160.000.000.000	290.000.000.000	290.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	160.000.000.000	160.000.000.000	290.000.000.000	290.000.000.000
Cộng	160.000.000.000	160.000.000.000	290.000.000.000	290.000.000.000

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty con	-	400.000.000.000	-	49.511.982.897
Công ty TNHH MTV Mekophar	-	400.000.000.000	-	50.000.000.000
+ Dự phòng giảm giá đầu tư công ty con		-		(488.017.103)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	2.464.000	18.510.000.000	2.080.000	19.510.000.000
Công ty TNHH bệnh viện TN Đa khoa An sinh - Tỷ lệ vốn góp 22% (*)	2.464.000	18.510.000.000	1.980.000	18.510.000.000
Công ty CP Dược phẩm Mekong - Tỷ lệ vốn góp 20%	-	-	100.000	1.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	23.510.500.000	-	5.550.000.000
Công ty TNHH Orchids	-	5.550.000.000	-	5.550.000.000
Công ty TNHH MTV Bất Động sản Areco, tỷ lệ góp vốn 5%	-	17.960.500.000	-	-
Cộng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.464.000	442.020.500.000	2.080.000	75.060.000.000
Cộng đầu tư giảm giá đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	(488.017.103)
Tổng cộng	2.464.000	442.020.500.000	2.080.000	74.571.982.897

(*) Trong năm, Công ty cổ phần Bệnh Viện đa khoa An Sinh chia cổ tức bằng cổ phiếu 484.000 cổ phần.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các giao dịch trọng yếu giữa các bên liên quan trong năm:

Thuyết minh khoản đầu tư vào công ty con - Công ty TNHH MTV Mekophar

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 413 041 000084 ngày 26 tháng 01 năm 2015 do Ban Quản lý khu công nghệ cao TP. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313141915 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 01 năm 2015, thay đổi lần 2, ngày 13 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp.Hồ

Chí Minh cấp. Công ty Cổ phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH Mekophar là 220.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. . Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã đầu tư 400.000.000.000 VND. Công ty TNHH Mekophar chưa làm thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do tăng vốn. Công ty TNHH Mekophar đang trong quá trình xây dựng cơ bản chưa đi vào hoạt động kinh doanh chính thức.

Thuyết minh khoản đầu tư vào công ty liên kết - Công ty TNHH Bệnh viện An Sinh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302774433 ngày 25 tháng 11 năm 2002 do Sở KH&ĐT cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH bệnh viện TN Đa khoa An sinh là 14.900.000.000 đồng, tương đương 22% vốn điều lệ. Trong năm Công ty CP Hóa-Dược phẩm Mekophar không đầu tư thêm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã đầu tư 18.510.000.000 đồng, tương đương 22% vốn điều lệ (số đầu năm là 18.510.000.000 VND, tương đương 22% vốn điều lệ).

Thuyết minh khoản đầu tư vào công ty liên kết - Công ty CP Dược phẩm Mê Kông:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103008182 ngày 20 tháng 10 năm 2007 do Sở KH&ĐT cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty CP Dược phẩm Mekong là 1.000.000.000 đồng, tương đương 20% vốn điều lệ. Trong năm Công ty CP Hóa-Dược phẩm Mekophar đã thoái vốn 100% vốn đầu tư vào công ty.

Tình hình hoạt động của các khoản đầu tư khác trong kỳ:

Thuyết minh khoản đầu tư khác - Công ty TNHH Orchids

Theo các điều khoản trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Số 108/HĐHTKD/MKP-OR/2015) ký với Công ty TNHH Orchids để thực hiện dự án xây dựng và khai thác cao ốc Văn phòng tại số 192 đường Pasteur, phường 6, quận 3, Tp.Hồ Chí Minh. Dự án được xây dựng với tổng số vốn góp dự kiến là 65.000.000.0000 đồng, được góp qua 2 lần (Lần 1 với tổng vốn góp 37.000.000.000 đồng, và lần 2 với tổng vốn góp 28.000.000.000 đồng. Công ty cam kết sẽ góp 15% trong tổng vốn đầu tư của dự án này với số tiền là: 9.750.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã góp vốn theo cam kết là 5.550.000.000 đồng (góp lần 1 theo tiến độ của hợp đồng).

Thuyết minh khoản đầu tư khác - Công ty TNHH MTV Bất động sản ARECO

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312696199 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 16 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH MTV Bất động sản ARECO là 17.960.500.000 đồng, tương đương 5% vốn điều lệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.8 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	53.610.571.336	115.155.858.698	15.143.538.903	46.899.494.576	230.809.463.513
<i>Mua trong năm</i>	-	8.197.313.727	-	789.043.900	8.976.357.627
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	(1.066.598.323)	(1.066.598.323)
Số dư cuối năm	53.610.571.336	123.343.172.425	15.143.538.903	46.899.494.576	238.719.222.817
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	29.460.583.933	87.824.982.806	10.623.888.093	34.626.222.436	162.535.677.268
<i>Khấu hao trong năm</i>	2.644.295.724	6.549.675.912	1.230.540.845	3.785.031.986	14.209.544.467
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	(1.066.598.323)	(1.066.598.323)
Số dư cuối năm	32.104.879.657	94.374.658.718	11.854.428.938	37.344.656.099	175.678.623.412
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	24.149.987.403	27.330.875.892	4.519.650.810	12.273.272.140	68.273.786.245
Số dư cuối năm	21.505.691.679	28.968.513.707	3.289.109.965	9.277.284.054	63.040.599.405

- Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: Không có.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 99.741.083.093 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: Không có.
- Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.
- Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: Không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 09 - DN
 Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	131.234.130.000	114.206.704.458	(14.487.151.158)	351.479.450.049	-	582.433.133.349
Tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	20.000.000.000	41.923.000.000	-	-	-	61.923.000.000
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	100.705.067.474	100.705.067.474
Trích khen thưởng HĐQT 2015	-	-	-	-	(1.655.000.000)	(1.655.000.000)
Trích các quỹ từ lợi nhuận 2015	-	-	-	52.030.643.226	(52.030.643.226)	-
Chia cổ tức cho cổ đông 2015	-	-	-	-	(37.114.417.500)	(37.114.417.500)
Trích quỹ KT - PL từ lãi 2015	-	-	-	-	(9.905.006.748)	(9.905.006.748)
Số dư cuối năm trước	151.234.130.000	156.129.704.458	(14.487.151.158)	403.510.093.275	-	696.386.776.575
Số dư đầu năm nay	151.234.130.000	156.129.704.458	(14.487.151.158)	403.510.093.275	-	696.386.776.575
Tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu	42.974.000.000	138.928.800.000	-	-	-	181.902.800.000
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	104.118.943.955	104.118.943.955
Tạm trả cổ tức cổ đông năm 2015	-	-	-	-	(19.143.167.000)	(19.143.167.000)
Số dư cuối năm nay	194.208.130.000	295.058.504.458	(14.487.151.158)	403.510.093.275	84.8975.776.955	963.265.353.530

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.17 Vốn chủ sở hữu**f. Báo cáo tình hình sử dụng vốn phát hành cổ phiếu năm 2016****f.1. Tình hình phát hành cổ phiếu trong năm 2016**

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar

Mã cổ phiếu: MKP

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá CP: 10.000 đồng

Ngày phát hành	Ngày kết thúc	Số cổ phiếu đăng ký phát hành	Số cổ phiếu đã phát hành	Giá trị phát hành	Giá phát hành	Số tiền thu được	Phí phát hành	Thu ròng từ đợt phát hành	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Đợt phát hành
27/04/16	26/07/16	740.000	740.000	7.400.000.000	20.000	14.800.000.000	40.000.000	14.760.000.000	7.400.000.000	7.360.000.000	Đợt 1
15/08/16	07/10/16	3.896.000	3.557.400	35.574.000.000	47.000	167.197.800.000	55.000.000	167.142.800.000	35.574.000.000	131.568.800.000	Đợt 2
Cộng		4.636.000	4.297.400	42.974.000.000		181.997.800.000	95.000.000	181.902.800.000	42.974.000.000	138.928.800.000	

Đợt 1: Mục đích phát hành

Tăng vốn điều lệ để bổ sung vốn hoạt động của công ty. Tạo động lực và tăng thêm sự gắn bó giữa Cán bộ chủ chốt với công ty, làm nền tảng cho sự phát triển lớn mạnh và bền vững của công ty.

Đợt 2: Mục đích phát hành

Tăng vốn điều lệ để cơ cấu lại nguồn vốn hiện nay của công ty, cũng như nâng cao hình ảnh và quy mô công ty nhằm thu hút được nhiều khách hàng lớn cả trong và ngoài nước để tăng cường năng lực cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh.

Tạo nguồn vốn ổn định, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho việc xây dựng nhà máy mới của dự án "Đầu tư nghiên cứu và phát triển sản xuất Sinh - Dược phẩm Mekophar" của công ty TNHH Mekophar, tại Khu Công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Tp.Hồ Chí Minh. Dự kiến diện tích xây dựng nhà máy là 44.000 m², với tổng số vốn dự kiến là 1.080 tỉ đồng (trong đó tiền thuê đất là 58 tỉ đồng)

f.2. Tình hình sử dụng vốn phát hành cổ phiếu trong năm 2016

Trong năm 2016, công ty đã sử dụng số tiền: 181.902.800.000 đồng từ phát hành cổ phiếu để đầu tư vào Công ty TNHH Mekophar phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy mới của dự án "Đầu tư nghiên cứu và phát triển sản xuất Sinh - Dược phẩm Mekophar", tại Khu Công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Tp.Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.13 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2016		31/12/2015		31/12/2016	31/12/2015
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
Tài sản tài chính						
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	160.000.000.000		290.000.000.000	-	160.000.000.000	290.000.000.000
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.946.711.100		9.463.961.100	-	10.946.711.100	9.463.961.100
- Phải thu khách hàng	150.269.075.026		118.354.620.952	-	150.269.075.026	118.354.620.952
- Phải thu khác	35.961.000		31.500.000	-	35.961.000	31.500.000
- Tiền và các khoản tương đương tiền	67.807.463.071		53.536.298.144	-	67.807.463.071	53.536.298.144
TỔNG CỘNG	389.059.210.197		471.386.380.196	-	389.059.210.197	471.386.380.196
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả người bán	40.544.072.793		43.001.394.358	-	40.544.072.793	43.001.394.358
TỔNG CỘNG	40.544.072.793		43.001.394.358	-	40.544.072.793	43.001.394.358